

SĐC
94

IG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC
ANH ĐẢNG BỘ HUYỆN BÌNH LONG

BÌNH LONG

TRUYỀN THỐNG

ĐẤU TRANH VÀ XÂY DỰNG

(1930 - 2000)



BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN AN HÀNH - 2002

***Bình Long
Truyền Thống
Đấu Tranh và Xây Dựng***

Công trình Chào mừng kỷ niệm 27 năm
ngày giải phóng Bình Long (2/4/1975 - 2/4/2002),
giải phóng miền Nam (30/4/1975 - 30/4/2002)

**ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN BÌNH LONG**

**BÌNH LONG
TRUYỀN THỐNG
ĐẤU TRANH VÀ XÂY DỰNG
(1930 - 2000)**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY BÌNH LONG
NĂM 2002**

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

- LÊ THÁI HÒA – Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bình Long
- LƯU VĂN CHUYỀN – Ủy viên thường vụ Huyện ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy
- NGUYỄN VĂN TÍNH – Ủy viên thường vụ Huyện ủy, Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Long

SỬU TÂM VÀ BIÊN SOẠN:

- TS. HÀ MINH HỒNG - Chủ biên
- TS. LÊ HỮU PHƯỚC
- TS. LÊ VĂN QUANG



THƯ CHÚC MỪNG CỦA ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC ANH

CỐ VẤN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Nhân ngày vui đón nhận danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân", tôi mừng Đảng bộ, LLVTND và nhân dân huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước luôn phát huy truyền thống cách mạng kiên cường và anh dũng của quê hương, xây dựng Bình Long ngày càng giàu đẹp, góp phần xứng đáng cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nhân dịp này, tôi gửi lời cảm ơn Đảng bộ, nhân dân huyện nhà đã tìm bọ, nuôi dưỡng tôi trong những năm tháng hoạt động cách mạng đầy gian khổ. Chúc đồng bào, đồng chí, cán bộ, chiến sĩ trong huyện sức khỏe, hạnh phúc và thắng lợi.

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 1998

Anh

Lê Đức Anh

Cố vấn BCHTW Đảng Cộng sản Việt Nam

LỜI GIỚI THIỆU

Cách đây 27 năm, quân và dân ta với khí thế hùng hực tiến công thừa thắng xông lên tiêu diệt quân thù, ngày 23/3/ 1975 An Lộc được giải phóng, tiếp đến ngày 2/4 /1975 là Chơn Thành và toàn huyện Bình Long được giải phóng, góp phần vào thắng lợi vĩ đại của mùa xuân 1975 lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc thắng lợi vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Bình Long trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ vừa qua, đã đi vào lịch sử miền Đông gian' lao và anh dũng như một trang huyền thoại. Đặc biệt là trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Bình Long với những mặt trận nóng bỏng trên quốc lộ 13 và 14, cùng những trận đánh ở Tân Khai, An Lộc, Núi Gió, Cồn Đầm... đã gieo nỗi kinh hoàng, khủng khiếp đối với kẻ thù đi xâm lược, nhưng đó cũng là một trong những biểu tượng chiến thắng huy hoàng của lòng quả cảm và sức chiến đấu anh dũng kiên cường, có thể coi Bình Long trong kháng chiến chống Mỹ là một trong những cánh cửa thép của chiến trường trọng điểm miền Đông Nam bộ.

Hai mươi bảy năm qua kể từ ngày giải phóng, Đảng bộ, quân và dân Bình Long tiếp tục vượt qua muôn vàn gian khó, xây dựng và bảo vệ quê hương. Qua 8 kỳ Đại hội Đảng bộ Huyện, quân và dân Bình Long đã và đang đưa Bình Long từ

đồng hoang tàn đổ nát trong chiến tranh, chuyển dần thành huyện trù phú, giàu đẹp phía nam của tỉnh Bình Phước. Bình Long đã và đang đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và hứa hẹn một tương lai tươi sáng.

Ghi nhận những đóng góp của Đảng bộ, quân và dân huyện nhà, tháng 12 năm 1998 Đảng và Nhà nước đã phong tặng huyện Bình Long danh hiệu cao quý: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Đó là niềm vinh dự lớn lao, được đổi bằng cả xương máu, mồ hôi và nước mắt trên mọi trận tuyến của cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đồng bào các dân tộc trên đất Bình Long.

Viết về truyền thống cách mạng trong đấu tranh và xây dựng Đảng bộ, quân và dân Bình Long là việc làm có ý nghĩa thiết thực để làm tư liệu lịch sử phục vụ nhiệm vụ chính trị của đảng bộ huyện nhà, là sự kế thừa truyền thống dựng nước và giữ nước của các thế hệ đi trước giáo dục cho thế hệ trẻ hôm nay và mãi mãi mai sau nối tiếp truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm đạo lý uống nước, nhớ nguồn của dân tộc, những thành tựu trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng, đặc biệt là trong quá trình đổi mới.

Nhằm ghi lại một cách toàn diện hơn về mảnh đất, con người và những chiến công nối tiếp chiến công, những thành tựu đạt được của huyện Bình Long trong suốt chặng đường mấy chục năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng. Ban Thường vụ Huyện ủy (khóa VIII) chỉ đạo biên soạn cuốn lịch sử **“Bình Long - Truyền thống đấu tranh và xây dựng”**.

Cuốn sách được biên soạn trên cơ sở chỉnh lý cuốn **“Truyền thống đấu tranh cách mạng của quân và dân Bình Long”** xuất bản năm 1988 và bổ sung giai đoạn từ sau giải phóng tới nay. Đây là kết quả của những cố gắng lớn của Ban thường vụ Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Bình Long và của nhóm biên soạn trong thời gian gấp rút đã hoàn thành và xuất bản thành sách để chào mừng 27 năm ngày giải phóng quê hương, giải phóng miền Nam. Nhân cuốn sách được xuất bản, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí cách mạng lão thành đồng thời là nhân chứng lịch sử của huyện trong các thời kỳ lịch sử đấu tranh cách mạng. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của huyện qua các thời kỳ đã giành nhiều tâm huyết và cung cấp những tư liệu quý giá, xin cảm ơn toàn thể đồng chí đồng bào đã đóng góp cho sự nghiệp cách mạng ở Bình Long suốt mấy chục năm qua. Xin cảm ơn sự giúp đỡ của Khoa Sử – trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh đã phối hợp cùng chúng tôi hoàn thành cuốn sách này.

Trải qua nhiều biến cố thay đổi, nhân chứng lịch sử của các thời kỳ cách mạng nhất là thời kỳ năm 1930 – 1960 còn lại rất ít. Nhóm biên soạn cũng đã cố gắng gặt gở, thu nhập chứng cứ để chỉnh lý bổ sung nhưng chắc chắn không tránh khỏi khiếm khuyết. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân thành của các đồng chí và các bạn đọc.

Bình Long, ngày 2 tháng 4 năm 2002.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY BÌNH LONG



MỞ ĐẦU

BÌNH LONG VÙNG ĐẤT - CON NGƯỜI

I. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

Nằm ở phía tây nam của tỉnh Bình Phước, Bình Long là một trong 6 huyện thị theo cơ cấu hành chính của tỉnh hiện nay, phía bắc giáp huyện Lộc Ninh, phía đông giáp huyện Phước Long, Đồng Phú và thị xã Đồng Xoài, phía nam giáp tỉnh Bình Dương và phía tây giáp tỉnh Tây Ninh. Diện tích tự nhiên toàn huyện 1.169,03 km². Trung tâm huyện Bình Long là thị trấn An Lộc, tọa lạc ở vị trí 106⁰82 kinh độ đông và 12⁰91 vĩ độ bắc.

Đất đai trên địa bàn Bình Long chủ yếu là đất đỏ bazan (bao gồm feralit nâu đỏ, nâu xám cùng một ít đất xám), rất hợp với các loại cây công nghiệp như cao su, hồ tiêu, cà phê..., tập trung ở vùng Xa Cam, Xa Cát, Quản Lợi, Sóc Tranh... Bình Long còn có những vùng thổ nhưỡng chuyên canh lúa có tiếng như Chơn Thành, Xóm Ruộng, Lợi Hưng, Phước An, An Khương, bảo đảm cung cấp đầy đủ nhu cầu lương thực cho cả huyện.

Khí hậu Bình Long thuộc khu vực nhiệt đới gió mùa ổn định, phân chia thành hai mùa rõ rệt trong năm: mùa mưa khởi đầu từ giữa tháng 5 và kết thúc vào cuối tháng 11 dương lịch, mùa khô bắt đầu từ tháng 12 cho đến cuối tháng 4 năm sau. Mỗi năm bình quân có trên 100 ngày mưa, nhiều nhất từ tháng 5 đến tháng 8, lượng mưa bình quân hàng năm khoảng 2300 mm.

Bình Long không có núi cao, chỉ có vài ngọn đồi thấp thoải dần theo hướng bắc - nam; phía bắc thị trấn An Lộc có đồi Đồng Long, xuôi về đông nam có đồi Núi Gió. Dòng sông Bé chảy qua Bình Long ở phía đông với chiều dài gần 60 km, tạo thành ranh giới tự nhiên giữa Bình Long với Phước Long và Đồng Xoài; sông Sài Gòn chảy qua Bình Long ở phía tây với khoảng 50 km, tạo thành ranh giới tự nhiên giữa Bình Long và tỉnh Tây Ninh. Hai đoạn sông này ít có giá trị về mặt giao thông (do lòng sông hẹp lại nhiều đá ngầm, lưu lượng nước ít), nhưng có góp phần cung cấp nước tưới và điều tiết khí hậu cho địa phương. Ngoài ra, Bình Long còn có hàng chục dòng suối đều chảy theo hướng tây bắc - đông nam, lớn nhất là suối Cầu Lê cùng cụm suối ở phía đông (suối Bồ, suối Nghiên, suối Xa Cát, suối Xà Ních, suối Hốt, suối Đak- gio) và cụm suối phía nam (suối Đôi, suối Xóm Hồ, suối Bến Đình, suối Đá, suối Thôn, suối Cầu Đôn, suối Ông Chây)... Mặt khác, Bình Long còn có khá nhiều bưng, bầu sắn nước, thuận lợi cho việc khai khẩn đất hoang thành ruộng vườn canh tác như ở Bưng Sậy, Xóm Ruộng (Chơn Thành), Lợi Hưng, Bầu Lá, Bầu Vàng, Bầu Ngó, Bản Duy, Sóc 25, Xa-cô-lết v.v...

Nếu như đường thủy không phải là thế mạnh, thì đường bộ thực sự đã giữ vai trò huyết mạch trong hệ thống giao thông

trên địa bàn Bình Long. Quốc lộ 13 nối Bình Long với Bình Dương, Sài Gòn ở phía nam, với Lộc Ninh ở phía bắc và chạy sang tận biên giới Campuchia, là con đường có tính chất chiến lược về cả kinh tế và quốc phòng. Trong địa phận Bình Long còn có 13 km trong tổng số 50 km của liên tỉnh lộ 13 (nay là đường ĐT 79), chạy từ Đồng Xoài sang Tây Ninh, cắt quốc lộ 13 ở ngã tư thị trấn Chơn Thành. Ngoài hai trục lộ chính yếu này, Bình Long còn có hàng trăm kilômét đường lô cao su được mở ra từ những năm đầu thế kỷ XX, nối liền các đồn điền cao su với nhau, tạo thành hệ thống giao thông thuận tiện từ huyện lỵ đến các ấp, sóc xa xôi.

Trên đất Bình Long có nhiều tài nguyên phong phú, trước hết là rừng. Rừng Bình Long chiếm khoảng một nửa diện tích toàn Huyện, có nhiều loại gỗ quý (như giáng hương, cẩm lai, gõ, gió tị...) cùng nhiều loại gỗ tốt (như sao, dầu, bằng lăng...) và bạt ngàn mây tre, lồ ô, tranh... Rừng Bình Long cũng có nhiều loại động vật quý như hươu, nai, cheo, mễn, chồn, nhím, công... Đây chính là nguồn lợi thiên nhiên có giá trị nếu biết khai thác, sử dụng hợp lý.

Xét về vị trí chiến lược, Bình Long có thể xem như một “khu đệm” nối liền phía bắc và đông bắc Sài Gòn với vùng núi cực nam Trung Bộ và nam Tây Nguyên, nối tiếp với vùng biên giới Campuchia... Do vậy, cùng với huyện Lộc Ninh, Bình Long đã trở thành căn cứ địa vững chắc của cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Nơi đây hội đủ điều kiện để vừa tập trung xây dựng lực lượng vũ trang và tồn trữ hậu cần (lương thực, vũ khí...) phục vụ cho chiến đấu, vừa có thể phát triển thế tiến công xuống vùng đồng bằng và đô thị uy hiếp địch, lại vừa có thể tiếp nhận thuận tiện nguồn chi viện

từ hậu phương, cũng như khai thác nguồn cung cấp vật chất của nhân dân trong vùng tạm bị chiếm. Về phía địch, trong thời kỳ 1954 – 1975 Mỹ ngụy đã chọn Bình Long làm một trong những cứ điểm phòng thủ kiên cố phía tây bắc Sài Gòn và Bình Long chính là một trong những địa danh lịch sử tiêu biểu ở giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo đường lối đổi mới, nhất là trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, Bình Long là địa phương có thế mạnh về đất đai, tài nguyên và lao động – nhất là về nông – lâm nghiệp. Nằm trong vùng miền Đông Nam bộ và trọng điểm phía Nam theo “Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 2001 – 2010”, tiềm năng kinh tế của Bình Long đang được khơi dậy, hứa hẹn sẽ có những thành tựu đáng kể với cơ cấu kinh tế nông – lâm – công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

II. DÂN CƯ, DÂN TỘC VÀ NHỮNG BIẾN ĐỔI HÀNH CHÍNH

Bình Long là vùng đất có nhiều dân tộc cư trú, dân số trên 175.000 người. Trong cộng đồng dân cư hiện đang sinh sống trên đất Bình Long ngày nay, đồng bào các dân tộc ít người là cư dân bản địa (tại chỗ) có mặt từ rất lâu đời. Cho đến cuối thế kỷ XVII, Bình Long là địa bàn cư trú chủ yếu của các nhóm bộ lạc S'tiêng - Tà Mun. Đồng bào sống thành từng sóc nhỏ, bên các con suối hay các bưng, mỗi sóc độ năm, ba nhà. Họ sống bằng nghề làm rẫy và làm ruộng. Đặc biệt nghề trồng lúa nước ở đây có từ rất sớm, do điều kiện đất đai và nguồn nước thuận tiện. Mùa mưa họ cặm cuội miệt mài với nương rẫy và ruộng lúa. Mùa khô họ vào rừng chặt củi, lượm quả, lấy chai cục, đục

cây lấy dầu trong, gài bẫy săn thú để tăng nguồn sống của gia đình. Ngoài trồng trọt, chăn nuôi, đồng bào còn trồng bông, dệt vải, nhưng chỉ là dệt thủ công gia đình.

Trước đây, đồng bào S'tiêng - Tà Mun sống trong các ngôi nhà sàn, sau này họ sống trong nhà trệt. Nhà ở của người S'tiêng - Tà Mun rất đơn sơ, làm bằng vật liệu tranh tre, lồ ô và gỗ. Nếu là nhà sàn thì chỉ có một cầu thang lên xuống. Dụng cụ sinh hoạt gia đình, công cụ sản xuất, vũ khí săn bắn, phần lớn đều làm từ cây rừng.

Người S'tiêng - Tà Mun có hai ngày lễ lớn là lễ cúng rẫy vào đầu năm và lễ cúng lúa vào cuối năm. Hằng năm cứ đến độ tháng ba, tháng tư âm lịch là mùa phát rẫy làm nương, mở đầu cho một năm làm ăn, đồng bào thường tổ chức lễ “cúng rẫy”, cầu xin Giàng (Ông Trời) ban cho một vụ mùa bội thu, cầu cho mọi người được khỏe mạnh, dân trong sóc đều ấm no, vui vẻ. Ngày lễ lớn nhất trong năm là ngày lễ “cúng lúa”, được tổ chức vào khoảng tháng 10 âm lịch, là lúc gặt hái, rước lúa về sóc, cũng là tháng cuối của mùa mưa để chuyển qua mùa khô, tháng kết thúc một năm làm lụng vất vả, mọi người trong sóc đều nghỉ ngơi, giải trí và chúc tụng nhau. Ngày lễ “cúng lúa”, nhà nào cũng giết heo, đâm trâu, bò lấy phần đầu làm vật phẩm để cúng tế trời, còn thịt thì xẻ ra cùng nhau ăn uống. Sau đó cùng nhau vui chơi, ca hát, nhảy múa thỏa thích. Góp vui trong ngày lễ, có các nhạc cụ dân tộc như cây đờn đinh làm bằng thân cây lồ ô và trái bầu, cồng, chiêng, trống và sáo. Trong ăn uống và vui chơi, mọi người đều bình đẳng.

Xưa kia, người S'tiêng - Tà Mun, già, trẻ, lớn, bé, nam, nữ đều cởi trần bận khố. Ngày nay đa số bà con đều mặc cải tiến,

nam quần âu, áo sơ-mi, nữ mặc váy và áo sơ-mi, ngày lễ chị em mặc những chiếc xà-rông (váy tự dệt) có hoa văn sắc sảo và tinh tế.

Trong đời sống tâm linh, đồng bào S'tiêng - Tà Mun chỉ biết có Ông Trời (Giàng). Ông Trời là biểu tượng của mọi uy quyền và sức mạnh của thiên nhiên quanh họ. Đứng trước bệnh tật, thiên tai, dịch họa v.v..., họ đều cầu xin Ông Trời phù hộ, cứu giúp mình vượt qua hoạn nạn.

Quan hệ hôn nhân gia đình của người S'tiêng ở Bình Long còn bảo lưu những truyền thống mẫu hệ xa xưa.

Người S'tiêng rất khéo tay và giàu óc sáng tạo, thể hiện rõ nét trong kỹ thuật đan lát, dệt gọt, nhất là nghề dệt cổ truyền của phụ nữ. Những chiếc xà-rông (váy thổ cẩm) với những mô-típ trang trí tinh vi, sinh động, thể hiện tài năng, tâm tư, ước mơ cao đẹp của người phụ nữ S'tiêng trong cuộc sống.

Bản chất người S'tiêng - Tà Mun là dễ tin, thật thà, chất phác, cần cù, thích sống tự do phóng khoáng giữa thiên nhiên bao la. Người S'tiêng sống gần gũi thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Ở người S'tiêng - Tà Mun, vợ chồng rất mực thủy chung. Mọi người đều rất ghét kẻ ác độc, xấu bụng, dối trá, trộm cắp.

Người Khmer cũng là cư dân cư trú lâu đời trên đất Bình Long, nhưng có phần muộn hơn người S'tiêng. Họ bắt đầu đến nơi đây vào khoảng đầu thế kỷ XVIII. Hình thức cư trú phổ biến của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long là hệ thống phum, sóc. Năm ba gia đình sống chung trong một phum nhỏ. Nguồn sống chính của họ cũng là làm rẫy, săn thú và trước khi thực dân Pháp xâm chiếm, trong số người Khmer ở Bình Long

(cũng như ở Lộc Ninh) có một số ít chuyên sống bằng nghề buôn bán. Lúc bấy giờ ở mỗi làng đều có một vài gia đình thương nhân, những người này có voi và dùng voi để chuyên chở hàng hóa đi các nơi xa, nhất là vượt biên giới đến vùng Krachiê (Campuchia) để buôn bán. Họ cũng nuôi nhiều bò để làm sức kéo phục vụ cho việc chuyên chở hàng hóa mua bán giữa các vùng. Có thể nói chắc rằng, từ cuối thế kỷ XIX về trước, thương nhân người Khmer nắm độc quyền lưu thông hàng hóa và phân phối vật phẩm trong vùng đồng bào S'tiêng. Đến khi thực dân Pháp xâm chiếm, việc buôn bán giữa các vùng của thương nhân người Khmer trong nông thôn bị ngăn cản. Họ chỉ còn biết sinh sống bằng nghề làm ruộng và khi ruộng đất bị thực dân Pháp chiếm làm đồn điền, thì số đông phải trở lại canh tác trên rẫy là hình thức canh tác cổ truyền của họ từ xa xưa.

Xưa kia, người Khmer ở Bình Long cũng ở nhà sàn như người S'tiêng, nhưng kiến trúc gần giống kiến trúc ở Ấn Độ. Còn bây giờ, nhiều người cũng ở nhà trệt như người Kinh.

Về tín ngưỡng, người Khmer không cúng “Giàng” như người S'tiêng, mà thờ Phật, thờ tổ tiên, tu nhân tích đức để được lên cõi Niết bàn. Khi chết không chôn, mà đốt xác lấy tro đặt gần tượng Phật.

Người Khmer cũng có ngày lễ cúng rẫy vào tháng ba, tháng tư âm lịch và ngày lễ mừng lúa mới vào cuối năm như người S'tiêng, nhưng có điều khác là vào ngày lễ cúng rẫy, người Khmer không đâm trâu ăn thịt như người S'tiêng, mà cúng hoa quả, xôi nếp. Còn vào ngày lễ mừng lúa mới thì được phép làm thịt gà và những súc vật khác.

Ngoài hai dân tộc S'tiêng và Khmer cư trú lâu đời, ở Bình Long còn có các dân tộc khác như Châu Ro, Hoa ... nhưng không nhiều.

Đồng bào các dân tộc ở đây sống chan hòa, gắn bó với nhau. Nhiều nơi, người S'tiêng và người Khmer ở chung nhau một sóc. Trong lao động sản xuất cũng như trong sinh hoạt văn hóa, tinh thần luôn có sự giao lưu hòa hợp cùng nhau, tạo nên tình đoàn kết keo sơn trong đấu tranh chinh phục thiên nhiên, xây dựng cuộc sống, cũng như trong đấu tranh chống áp bức, bóc lột, chống ngoại xâm, giành lại và bảo vệ độc lập, tự do.

Bên cạnh các dân tộc sinh sống lâu đời, vào cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX cư dân người Việt bắt đầu có mặt ở Bình Long, mà những người tiên phong là binh lính lưu đồn của triều đình nhà Nguyễn và gia đình họ. Phần đông binh lính người Việt đi đồn trú ở Bình Long lúc này là dân từ các tỉnh miền Trung (từ Quảng Nam, Quảng Ngãi trở vào đến Bình Thuận). Sau đó, cư dân người Việt lên cư trú ở các vùng rừng núi miền Đông Nam Bộ nói chung, vùng Bình Long nói riêng để sinh cơ lập nghiệp tăng lên một cách nhanh chóng.

Theo một tác giả người Pháp là Raulin¹, vào năm 1875, bên cạnh các phum, sóc của người S'tiêng, Khmer đã mang địa danh Hán Việt do triều đình nhà Nguyễn đặt cho như An Lộc, Bình Tây, Đông Phát, Đồng Nơ, Xuân La, Nha Bích, đã xuất hiện nhiều điểm cư trú của người Việt như Hồn Quán, ấp Xà Quất, xóm Ô Trao, xóm Thanh Phú, ấp Tân Quang, xóm Chà Là, xóm Căn Băm, xóm Tàu Ô... Vào đầu thế kỷ XX, do

(1) Theo P. Raulin, BSEI, t. XI, 1946

dân số tăng lên, địa bàn cư trú mở rộng, thêm nhiều xã mới như Minh Thạnh, Tân Thành, Tân Khai, Tân Quang...

Đại đa số cư dân người Việt tìm đến Bình Long định cư là những nông dân nghèo ở các tỉnh vùng dưới² và ở vùng nông thôn Nam Bộ - những người sống cực khổ, không chịu nổi áp bức bóc lột của bọn địa chủ cường hào, phải bỏ làng ra đi tìm đường sinh sống, hoặc do chống lại chúng rồi phải trốn tránh. Cũng có một số là những nông dân miền Trung bị mất đất canh tác, bị phá sản bởi sưu cao thuế nặng của bọn phong kiến, thực dân, đi tha phương cầu thực...

Sang đầu thế kỷ XX, số người Việt đến đất Bình Long cư trú tăng lên đông đảo, chủ yếu là lực lượng phu cao su (thời ấy thường gọi là "công tra"). Đó là những người nông dân nghèo đói từ các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương v.v... bị tư sản Pháp lừa bịp, tuyển mộ đưa đến các đồn điền cao su Quản Lợi, Xa Trạch, Xa Cam, Sóc Tranh v.v... thuộc công ty cao su Đất Đỏ (Planfations des Terres Rouges) ra đời năm 1908, đặt trung tâm tại Quản Lợi. Trong khoảng hơn 40 năm (1914-1955) thực dân Pháp đã mộ cho Công ty này tới 421.000 người. Trong đội ngũ công nhân cao su tại đây, còn có một số nông dân nghèo từ các địa phương đồng bằng Nam Bộ bị bán cùng hóa bởi bọn cường hào, bọn điền chủ (cả Pháp lẫn Việt) bỏ lên đây làm việc trong các đồn điền hoặc làm công cho thầu khoán.

Đợt phát triển dân cư mạnh mẽ này đã đưa tới kết quả là những làng xóm người Việt lần lượt mọc lên đông đúc ở những

(2) Dân ở Tân Quan là dân từ Bưng Cầu - Thủ Dầu Một lên. Dân ở Tân Khai là dân từ Tân Khánh lên. Dân ở Minh Thạnh là dân gốc Long Nguyên - Bà Tú lên. Dân ở Tân Thành là dân từ Bà Đen - Tây Ninh qua.

nơi mà trước đó không lâu vẫn còn hoang vu như Minh Thạnh, Tân Quang, Tân Khai, Tân Thành³, đồng thời tạo nên sự tiếp xúc thường xuyên, gần gũi, thông cảm và giúp đỡ lẫn nhau trong tình cảm của những người cùng khổ giữa những người Việt thuộc thành phần lao động làm thuê trong các đồn điền với đồng bào người S'tiêng.

Đợt phát triển dân cư lớn thứ hai ở Bình Long trong thế kỷ XX diễn ra ngay sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 được ký kết, gắn liền với việc đế quốc Mỹ hất cẳng thực dân Pháp, nhảy vào miền Nam Việt Nam, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm. Ngay lúc đó, Mỹ - Diệm đã lừa gạt, cưỡng bức một số giáo dân Thiên Chúa giáo ở vùng Ninh Bình, Nam Định di cư vào Nam, rồi đẩy họ đến định cư ở những nơi xung yếu, lập ra những xứ đạo quy tụ dân cư ngày một đông đúc.

Tại Bình Long, chúng đưa một số giáo dân vào các đồn điền Quản Lợi, Xa Trạch, Văn Hiến, Chợ Thành, riêng ở thị trấn An Lộc, chúng lập nên một ấp riêng biệt của người Công giáo di cư gọi là ấp Thánh Mẫu (ấp Đức Mẹ) với các chế độ chính sách ưu đãi. Ngoài ra, chúng còn đưa một số binh lính người Nùng ở vùng Quảng Ninh cùng với gia đình họ vào cắm ở đây⁴. Liền sau đó, với chiến dịch khủng bố những người kháng chiến cũ ở miền Trung, Mỹ và tay sai lại đẩy một bộ phận đồng bào ta ở các tỉnh Trung Bộ phải rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn, chạy vào vùng rừng núi và các đồn điền cao su miền Đông Nam Bộ, trong đó có Bình Long.

(3) Các làng này lúc mới lập, dân cư còn rất ít, mỗi làng chỉ có từ 700 đến 1.000 dân, mỗi ấp chỉ có khoảng từ 10 nhà đến 20 nhà.

(4) Người Nùng từ sau 1954 mới có mặt trên đất Bình Long.

Đến đầu năm 1960, thực hiện ý đồ lập các trại tập trung, các khu trù mật để dễ bề kèm kẹp nhân dân, tách rời quần chúng nhân dân với lực lượng cách mạng, hòng cô lập và tiêu diệt lực lượng kháng chiến của ta, chính quyền Ngô Đình Diệm đã xúc tiến “kế hoạch di dân”, chúng tiếp tục dồn hàng vạn bà con ở các tỉnh miền Trung vào miền Đông Nam Bộ. Tại Bình Long, chúng lập ra các khu dinh điền mang tên Hiếu Văn I, Hiếu Văn II ở khu vực Chơn Thành, các khu dinh điền Văn Hiến I, Văn Hiến II ở khu An Lộc... Cùng thời gian này, trước sự khủng bố gắt gao của Mỹ - Diệm, nhất là sau khi Luật phát xít 10/59 được ban hành, một bộ phận những người yêu nước ở các tỉnh Trung bộ và Biên Hòa, Bến Tre, Gia Định, Tây Ninh phải rời bỏ quê hương lưu tán lên vùng Chơn Thành hay các đồn điền cao su Quản Lợi, Xa Trạch, Sóc Tranh... để làm ăn sinh sống và tiếp tục hoạt động.

Vào những năm 1966 -1967, sau các chiến thắng Đồng Xoài, Bầu Bàng của ta, những chiến dịch khủng bố trắng của địch ở các khu vực Long Nguyên, Bến Cát, Củ Chi (vùng địch gọi là “tam giác sắt”), lại buộc hàng ngàn đồng bào phải tản cư lên các ấp ở Chơn Thành, An Lộc để sinh sống.

Tháng 4-1972, chiến dịch Nguyễn Huệ mở ra, quân dân miền Đông Nam Bộ thắng lớn, giải phóng hoàn toàn hai huyện Bù Đốp, Lộc Ninh, bọn địch liền tập trung một lực lượng quân sự lớn ở Bình Long để lập tuyến bảo vệ vòng ngoài. Dân số Bình Long lúc đó tổng cộng cả cư dân cũ và mới lên tới 63.000 người (An Lộc: 44.000 người, Chơn Thành: 19.000 người) trong đó gần 16.000 là đồng bào dân tộc⁵.

(5) Trích “Quân sự Việt Nam Cộng Hòa” do Bộ Tổng tham mưu ngụy xuất bản năm 1975. Trang 53.

Từ giữa năm 1975, sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, bà con Bình Long di sơ tán ở Bù Đốp, Sông Măng, Lâm Đồng v.v... những năm trước lần lượt trở về quê cũ. Đồng thời Bình Long còn đón nhận thêm đồng bào thành phố Hồ Chí Minh, Thái Bình, Hà Sơn Bình và nhiều nơi khác đến Bình Long xây dựng kinh tế mới. Cùng số anh em bộ đội xuất ngũ phục viên, anh chị em cán bộ công nhân viên chức các ngành lên Bình Long nhận công tác. Tình hình đó làm cho dân số Bình Long nhanh chóng tăng lên. Theo thống kê năm 1983, dân số toàn Huyện có hơn 80.000 người bao gồm nhiều dân tộc, trong đó có 66.000 người Kinh (chiếm 83%) và khoảng 14.000 đồng bào các dân tộc ít người (chiếm 17% dân số toàn Huyện).

Như vậy, lịch sử khai phá, hình thành và phát triển của vùng đất Bình Long cũng chính là quá trình hội tụ và chung lưng đấu cật giữa các đồng bào dân tộc ít người sinh sống từ lâu đời tại địa phương với hàng vạn người dân lao động từ khắp mọi miền đất nước đến định cư, sinh cơ lập nghiệp. Họ cùng nhau cải tạo diện mạo của vùng đất hoang vu hiểm trở, lập xóm lập làng, dẫn đến những thay đổi về cơ cấu hành chính tại đây qua các thời kỳ lịch sử.

Từ năm 1808, triều Nguyễn bắt đầu cho thiết lập cơ cấu hành chính và hệ thống đồn ải để quản lý, kiểm soát cư dân và lãnh thổ vùng đất đỏ miền Đông. Lúc bấy giờ, Bình Long thuộc huyện Phước Long, Trấn Biên Hòa (sau đổi thành tỉnh Biên Hòa).

Tháng 12-1861 sau khi đánh chiếm tỉnh thành Biên Hòa, Pháp tiếp tục đưa quân chiếm Bình Long, Lộc Ninh... Cuối thế kỷ XIX, chúng thiết lập bộ máy cai trị thực dân khá hoàn chỉnh trên toàn Nam Kỳ. Bình Long trở thành một tổng của

quận Cần Lê, tỉnh Biên Hòa. Sang đầu thế kỷ XX, chính quyền thực dân lập các đại lý hành chính Hớn Quản (1906) và đồn binh Bù Đốp (1906) để siết chặt hơn nữa ách kiểm soát. Năm 1912, chúng tách một phần tỉnh Biên Hòa và một phần tỉnh Gia Định để thành lập tỉnh Thủ Dầu Một. Vùng đất Bình Long vào thời điểm ấy thuộc quận Hớn Quản của tỉnh Thủ Dầu Một (quận Hớn Quản gồm 3 tổng: tổng Tân Minh có 3 làng người Kinh, hai tổng Quản Lợi và Minh Ngãi gồm các sóc người dân tộc như Sơn La, Sơn Được, Lôi Sơn, Võ Tùng, Võ Rục...).

Cũng trong khoảng thời gian này, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giới chủ đồn điền áp bức bóc lột công nhân, thực dân Pháp giao quyền cho bọn chủ tư bản Pháp ở các đồn điền nắm giữ bộ máy hành chính địa phương. Từ đó, bộ máy hành chính quận Hớn Quản nằm trong tay bọn chủ tư bản của Công ty Cao su Đất Đỏ (thành lập vào năm 1908). Với sự gia tăng đội ngũ công nhân cao su, các khu vực dân cư của quận Hớn Quản được mở rộng hơn trước, hình thành thêm nhiều tổng mới: riêng vùng đồng bào dân tộc đã có tới 5 tổng (tổng Quản Lợi, tổng Văn Hiên, tổng Xa Cam, tổng Xa Cát, tổng Man).

Trong kháng chiến chống Pháp (1946-1954), theo hệ thống tổ chức của cách mạng, vùng đất Bình Long hiện nay vẫn thuộc quận Hớn Quản, tỉnh Thủ Dầu Một. Từ năm 1951 trở đi, 2 tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa được hợp nhất thành tỉnh Thủ Biên, Bình Long thuộc quận Hớn Quản, tỉnh Thủ Biên.

Sau Hiệp định Genève 1954, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam, dựng lên chế độ tay sai Ngô Đình Diệm. Tháng 10-1956 chính quyền Ngô Đình Diệm cho tách một số quận phía bắc của hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa để lập hai tỉnh mới là

Bình Long và Phước Long. Tỉnh Bình Long được thành lập theo sắc lệnh số 143/NV (ngày 22-10-1956) gồm 3 quận: An Lộc, Lộc Ninh và Chơn Thành (tuy nhiên quận Chơn Thành trong thực tế chưa chính thức hình thành, quận An Lộc nguyên là quận Hớn Quản trước đây; còn quận Lộc Ninh vốn là xã Lộc Ninh thuộc quận Hớn Quản được nâng lên). Ở thời điểm hình thành, quận An Lộc có 14 xã người Kinh và 29 xã đồng bào dân tộc. Ngày 27-1-1964 quận Chơn Thành chính thức hình thành gồm 7 xã, 11 ấp. Đúng 2 năm sau, ngày 27-1-1966 hai xã Tân Khai (thuộc quận An Lộc) và Minh Thạnh (thuộc quận Chơn Thành) bị xóa tên. Sang năm 1972, toàn tỉnh Bình Long được sắp xếp và điều chỉnh lại cơ cấu hành chính, theo đó quận An Lộc có 12 xã, 41 ấp và quận Lộc Ninh có 8 xã, 30 ấp.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, ba quận: An Lộc, Lộc Ninh và Chơn Thành được hợp nhất thành huyện Bình Long thuộc tỉnh Sông Bé. Đến tháng 3-1978, địa giới huyện Bình Long có thu hẹp lại do một số xã tách ra theo quyết định của Chính phủ để thành lập huyện Lộc Ninh. Ngày 1-1-1997 tỉnh Sông Bé tách thành hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước. Kể từ đó, Bình Long là một trong 5 huyện của tỉnh Bình Phước (4 huyện còn lại là Đồng Phú, Lộc Ninh, Bù Đăng, Phước Long; gần đây Chính phủ đã ban hành nghị định thành lập thêm thị xã Đồng Xoài, tỉnh lỵ của tỉnh Bình Phước).

III. TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN BÌNH LONG TRƯỚC KHI CÓ ĐẢNG

Ngay từ khi thực dân Pháp đặt chân lên đất Bình Long, đồng bào các dân tộc cư trú tại địa phương đã lập tức đứng lên tranh đấu, kiên quyết chống lại kẻ thù xâm lược. Trong buổi đầu kháng Pháp, cuộc khởi nghĩa của Trương Quyền - con trai Trương Định - liên minh với lực lượng của nhà sư yêu nước Pu

Côm Pô (người Khmer) diễn ra từ năm 1864 trên một địa bàn rộng lớn ở vùng rừng núi Biên Hòa dọc tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, đã tác động tích cực và được sự hưởng ứng nhiệt thành của đồng bào S'tiêng, Khmer ở Bình Long.

Sang đầu thế kỷ XX, khi chương trình khai thác thuộc địa được triển khai thực hiện trên toàn cõi Đông Dương, thực dân Pháp đã ráo riết cướp đoạt đất đai của đồng bào các dân tộc ở miền Đông Nam Bộ để thành lập các đồn điền. Cùng lúc này, ách cai trị và kiểm soát của chính quyền thực dân càng siết chặt thêm với sự hình thành đồn binh Bù Đốp, đại lý hành chính Hớn Quản... Cuộc sống phóng khoáng tự do của đồng bào S'tiêng - Tà Mun, Khmer... trên địa bàn Bình Long bị bóp nghẹt. Mâu thuẫn giữa đồng bào với bè lũ cai trị thực dân và bọn chủ đồn điền phát triển ngày càng gay gắt, bùng nổ thành những cuộc nổi dậy có tiếng vang lớn trên toàn vùng núi miền Đông.

Năm 1908, ở vùng Lộc Ninh, dưới sự vận động và lãnh đạo của Điểu Dố, đông đảo đồng bào các dân tộc S'tiêng, Châu Ro, Châu Mạ, Tà Mun, Mơ Nông, đã đứng lên đánh đuổi giặc Pháp xâm lược. Cuộc khởi nghĩa này được đông đảo bà con các dân tộc S'tiêng, Châu Ro, Châu Mạ, Tà Mun ở khu vực Hớn Quản, Quản Lợi (thuộc Bình Long hiện nay) hưởng ứng và ủng hộ, quy tụ được nhiều người khỏe mạnh, hăng hái tham gia lực lượng nghĩa quân. Mỗi lần ra trận, Điểu Dố và nghĩa binh dưới quyền chỉ có giáo mác, cung tên, cây rừng vót nhọn, nhưng tinh thần chiến đấu anh dũng lạ thường. Nhân dân kể lại rằng mỗi khi ra trận, ông Dố thường cưỡi bò mộng, mang tên ná, có trận giết được cả chục tên lính Pháp. Thực dân Pháp hoảng sợ, nhiều lần đưa quân đàn áp cuộc khởi nghĩa, nhưng đồng bào các dân tộc dưới sự chỉ huy của Điểu Dố đã chống lại

mãnh liệt. Giặc phải tăng quân nhiều lần với quy mô lớn, liên tục mở những cuộc càn quét. Trước sức mạnh của giặc và do lực lượng quá chênh lệch, ông Dố cùng nghĩa quân rút về Xóm Mát (thuộc xã Long Nguyên, huyện Bến Cát). Giặc ráo riết truy kích, Điều Dố và nghĩa quân vẫn chung lưng đấu cật chiến đấu quyết liệt cho đến lúc hy sinh, không chịu khuất phục kẻ thù.

Cuộc nổi dậy chiến đấu chống lại quân Pháp xâm chiếm buôn làng của đồng bào do Điều Dố lãnh đạo tuy không thành công, nhưng đã khơi dậy lòng yêu nước và tô đậm thêm truyền thống đấu tranh chống xâm lược của đồng bào. Cuộc khởi nghĩa ấy cùng nhiều cuộc khởi nghĩa khác trong vùng rừng núi miền Đông Nam Bộ được lưu truyền mãi trong lòng đồng bào các dân tộc qua những lời ca:

*Ta giữ buôn xưa,
Ta giữ rẫy ngàn xưa,
Ta sẵn sàng chống những ai đến cướp,
Quyết giết giặc cho buôn vui,
Cho ngoài rẫy lúa chín...*

Tiếp đó, đồng bào các dân tộc vùng Bình Long - Hớn Quản lại tham gia, hưởng ứng cuộc nổi dậy do R'Đông - một thủ lĩnh người S'tiêng khởi xướng, liên kết cùng một số thủ lĩnh khác trong vùng ủng hộ cuộc nổi dậy tiêu biểu vào bậc nhất trên địa bàn Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ do N'Trang Lơng lãnh đạo (1912-1916), làm nên nhiều chiến công lừng lẫy.

Những năm 1924-1925, thực dân Pháp đưa tên đại úy Gatille làm quản đạo khu vực Bù Đốp và vùng tiếp giáp với biên giới Campuchia, thi hành chính sách cai trị hết sức tàn

bạo. Thủ lĩnh R'Ding lại đứng lên tập hợp lực lượng nghĩa quân chống Pháp. Đồng bào S'tieng ở miền Đông Nam Bộ (trong đó có cư dân Hồn Quẩn - Bình Long) hăng hái có mặt trong hàng ngũ nghĩa quân, tổ chức thành công trận phục kích giết chết Gatille, làm nức lòng nhân dân trong vùng cũng như các địa phương lân cận.

Tuy nhiên, những cuộc nổi dậy anh dũng của đồng bào các dân tộc ở Bình Long nói riêng, vùng rừng núi miền Đông Nam Bộ nói chung cuối cùng đều bị thực dân Pháp đàn áp và dập tắt. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thất bại chung cuộc của phong trào chống Pháp ở miền Đông (như tương quan lực lượng chênh lệch, vũ khí lạc hậu, trình độ tác chiến còn nhiều hạn chế...), nhưng bao trùm lên tất cả chính là do chưa có được định hướng và phương pháp đấu tranh đúng đắn, phù hợp.

Trong những cuộc đấu tranh của đồng bào các dân tộc ít người, rất dễ nhận thấy những đặc điểm nổi rõ như tính tự phát, lẻ tẻ, thiếu liên kết phối hợp, thiếu kế hoạch bảo tồn lực lượng khi kẻ thù đàn áp khủng bố... Ngay trong đội ngũ công nhân cao su đồn điền, phong trào đấu tranh trong những năm hai mươi vẫn còn mang nặng tính tự phát, thiên về mục tiêu kinh tế...

Trong bối cảnh đó, những hoạt động tích cực của đội Việt Nam cách mạng thanh niên trên địa bàn Nam Kỳ - nhất là chủ trương "vô sản hóa", đưa hội viên về các đồn điền cao su đẩy mạnh việc truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng - đã có tác dụng hết sức tích cực, tạo nên bước ngoặt lớn lao trong nhận thức và hành động của đội ngũ công nhân và đồng bào các dân tộc vùng Bình Long - Hồn Quẩn những năm sau đó.

PHẦN THỨ NHẤT
**BÌNH LONG TRONG CÁCH MẠNG
GIẢI PHÓNG DÂN TỘC**

Chương một

**PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA
CÔNG NHÂN VÀ ĐỒNG BÀO CÁC DÂN
TỘC Ở BÌNH LONG TỪ KHI CÓ ĐẢNG ĐẾN
CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1930 - 1945)**

**I. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA CÔNG NHÂN
CAO SU Ở BÌNH LONG CHUYỂN TỪ TỰ PHÁT SANG
TỰ GIÁC DƯỚI NGỌN CỜ CỦA ĐẢNG**

Năm 1907, sau khi trồng thử nghiệm thành công cây cao su ở Vườn Ông Yêm (thuộc Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương hiện nay), tư bản Pháp cho lập ngay đồn điền Xa Trạch ở Bình Long với diện tích ban đầu là 1.107 ha. Năm 1908 Công ty Cao su Đất Đỏ ra đời, bao gồm nhiều đồn điền ở Xa

Cam, Xa Cát, Xa Trạch (Quản Lợi)... kéo dài sang tận bên kia biên giới Campuchia. Tiếp đó, tư bản Pháp lần lượt lập thêm hàng loạt công ty cao su khác ở miền Đông Nam Bộ như Công ty Cao su Đông Dương (được xem là công ty cao su lớn nhất toàn Đông Dương, có đồn điền đầu tiên ở An Lộc), Công ty Michelin (đặt trung tâm tại đồn điền Dầu Tiếng), Công ty Xét-Xô (đặt cơ sở trong vùng đồng bào S'tiêng ở Đa Kia và Lộc Ninh), Công ty Cao su nhiệt đới (Tropical) với các đồn điền Xa Cát, Minh Thạnh ở Bình Long

Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, do nhu cầu cao su tăng vọt nên vốn đầu tư của tư bản Pháp vào ngành cao su ở Đông Dương cũng tăng lên gấp nhiều lần. Ở các địa phương miền Đông Nam Bộ - trong đó có Bình Long - diện tích đồn điền cao su tăng nhanh (năm 1914 mới trồng 15.000 ha đến năm 1929 tăng lên 83.332 ha, năm 1915 mới khai thác được 3.519 tấn mủ đến năm 1929 đã tăng lên 10.309 tấn mủ).

Tương ứng với sự gia tăng diện tích trồng trọt và sản lượng cao su khai thác được là sự phát triển về số lượng của đội ngũ công nhân đồn điền ở miền Đông, trong đó có vùng Bình Long - Hớn Quản. Một thống kê chưa đầy đủ cho biết tính từ năm 1914 đến tháng 10-1955, riêng Công ty Cao su Đất Đỏ Bình Long đã chiêu mộ được tới 421.000 dân phu - thường gọi là dân "công tra" có số.

Tại các đồn điền cao su ở Bình Long, cũng như ở nhiều nơi khác, cuộc sống của người phu cao su thật vô cùng điêu đứng.

Ngày này qua ngày khác, từ 3 giờ 30 sáng, nghe tiếng kèn vang lên, người phu cao su phải tất tả chạy nhanh đến sân điểm danh. Tại đây việc điểm số đi liền với những làn roi

mây, roi gân bò hay cù hèo đánh lên đầu lên cổ. Mỗi buổi sáng ở nhà điểm - bãi tha ma của đám dân phu “công tra” - luôn diễn ra bao cảnh đánh đập man rợ, trở thành nỗi ghê sợ khủng khiếp đối với công nhân. Có người bị đánh chết ngay tại nhà điểm rồi chôn ngay tại đó - chôn trần, không có tấm ván che thân.

Điểm số xong, lãnh một bát cháo sáng, người công nhân cao su phải ra lô làm việc ngay. Thông thường thì làm một lúc rồi trời mới sáng. Khi cạo mủ người phu phải vừa nhanh, vừa khéo tay. Nhanh để cho kịp, khéo tay để đường cạo không quá dày hoặc quá mỏng, cạo xong cây này phải chạy dạt sang cây khác, nhanh như một cái máy. Mỗi cây cao su thường cách nhau từ 5 đến 6 mét. Từ 5 đến 9 giờ sáng mỗi người phải cạo xong trên dưới 400 cây. Như vậy họ phải đi lại 2.500 mét. Cạo xong phần cây quy định vẫn chưa được nghỉ, còn phải xách thùng đi trút mủ ở bát. Khi trút mủ phải vét khéo và thật nhanh. Nếu để mủ đổ xuống đất là bị đánh đòn rất đau và phải bồi thường. Trút mủ xong, người công nhân phải gánh cả hai thùng nặng từ 40 đến 50 ki-lô-gam đến nhà chứa mủ để bàn giao. Trút mủ xong thì đã 12 giờ trưa. Người công nhân tranh thủ mở mo cơm và ăn với cá khô, uống nước lã rồi trở về sở để tiếp tục làm việc. Có khi làm xong phần cạo mủ họ vẫn phải ở lại lô để làm cỏ hoặc đắp đê ngăn nước cuốn trôi đất màu. Từ 12 giờ trưa đến 5 giờ chiều, họ phải “làm khoán” một đoạn đê dài 3 mét, rộng 0,70 mét, cao 0,40 mét. Đắp xong, bọn cai xếp dùng giày đinh giẫm đạp lên mà không bị sụt lở mới được chấp nhận.

Tính trong một ngày, người công nhân phải làm quần quật liên tục không dưới 12 tiếng đồng hồ. Làm xong về đến nhà thì trời vừa tối. Có hôm tám, chín giờ đêm họ mới về được đến nhà. Công nhân cao su thường có câu nói chua chát rằng: “Con không biết mặt cha. Chó không biết mặt chủ nhà”.

Không những thế, họ lại phải làm việc tám ngày liên tục mới được nghỉ một ngày mà chỉ được nghỉ luân phiên vì phải bảo đảm cho cây cao su được cạo thường xuyên. Ngày nghỉ lại không có lương.

Làm việc cực nhọc như vậy, người công nhân còn phải chịu đựng với muỗi, mòng, vắt, kiến lửa, mối v.v... Muỗi gây bệnh sốt rét, mòng gây bệnh sâu quầng. Một tài liệu cho biết: “số công nhân bị bệnh sâu quầng từ năm 1930 đến năm 1935 chiếm 5,5% so với tổng số công nhân cao su miền Đông”⁶.

Cùng với chế độ làm việc khắc nghiệt, chế độ ăn uống của công nhân cao su cũng chẳng kém phần cơ cực. Mỗi ngày, một người phu được nhận 400 gam gạo mốc, mục, cùng mấy con cá khô mục không còn giá trị dinh dưỡng, thậm chí còn chứa nhiều độc tố. Tình cảnh nhọc nhằn của người công nhân cao su miền Đông được phản ánh qua câu ca dao:

*“Ai về đất đỏ miền Đông
Mà nghe lao động đồn đồn thở than.
Than rằng: cực lắm trời ơi !
Dân phu phải sống cuộc đời tối tăm.
Cá hôi, gạo mục quanh năm
Vẫn chưa đầy bụng đói nằm rùng cây.
Trời cao đất mấy tầng mây
Trời cao có thấy nỗi này cho chăng?”*

⁶ Tài liệu lưu trữ tại Công ty Quốc doanh cao su Đồng Nai. Dẫn lại của Thành Nam. Phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân cao su miền Đông Nam Bộ, Nxb, Lao động. Hà Nội, 1982. Trang 26.

Ăn uống đã quá khổ cực, chỗ ở cũng tồi tệ không kém: Sáu người chen chúc nhau trong một căn nhà lá lụp xụp, tối tăm, rộng khoảng 12 mét vuông, không đắp nền nên rất ẩm thấp. Có nhà ở nhưng không có bếp, phải đun nấu ngay cạnh giường nằm, khói bụi đầy nhà. Giường nằm làm bằng tre, bương ghép lại. Ba người nằm một giường. Có đạo công nhân đến nhiều thì bốn năm người ngủ chung một giường.

Sau này, trước sự đấu tranh quyết liệt của công nhân, bọn chủ đồn điền có “cải cách” lại chế độ nhà ở. Chúng cấp cho hai, ba gia đình ở một căn nhà lợp tôn, nhưng vẫn chật hẹp, tối tăm, ẩm thấp, tối om, nóng như lò lửa. Nhà nọ cất sát nhà kia, chụm lại thành cái làng.

Xung quanh nhà, nước rửa chảy đọng thành từng vũng, lâu ngày gặp trời nắng, mùi hôi thối xông lên nhức óc. Ruồi, nhặng, muỗi, bọ nhiều vô kể. Rác rưởi vứt đầy nhà, đầy sân, ruồi nhặng bầu vào đen kịt. Vì không có nhà vệ sinh, người lớn cứ phải lén vào rừng để đại tiện. Còn trẻ em thì ăn đấy, tiểu tiện đấy, nhiều trẻ nhỏ đã chết vì ăn uống, sinh hoạt mất vệ sinh. Theo tài liệu cũ để lại, từ năm 1930 đến năm 1945, tại các đồn điền cao su miền Đông Nam Bộ trong đó có các đồn điền ở Bình Long, có tới 5.500 trẻ em chết vì bệnh tật.

Về mùa khô, ở những nơi xa sông, xa suối, công nhân thiếu nước sinh hoạt cũng là một thảm cảnh thường trực. Công nhân phải tự đào giếng để lấy nước dùng. Đất rừng cao su có chỗ phải đào sâu đến 18 mét mới có nước. Nước đã hiếm lại độc. Vì phải ăn và tắm rửa bằng nước độc, người nào cũng bị bệnh vàng da và ghẻ lở. Trong những năm từ 1941 đến 1945, bệnh ghẻ lở và sâu quầng ở các đồn điền cao su miền Đông Nam Bộ rất phổ biến, nguyên do là công nhân đi phá rừng bị

gai góc đâm chọc vào chân, bị tai nạn, bị vỏ trái cây cao su cửa vào..., thuốc men lại không có, bụi đất bám vào, lở loét ra, hôi thối. Ở đồn điền An Lộc, có năm, số người bị chết vì ghẻ lở, sâu quăng lên tới hàng trăm ⁷.

Lao động cực nhọc, ăn ở tồi tàn là vậy, nhưng đồng lương mà chủ đồn điền trả cho công nhân là đồng lương chết đói. Cách tính lương của bọn chủ là sao cho hết hết tháng là người công nhân cũng vừa hết tiền. Ngoài ra, chúng còn dùng cờ bạc, thuốc phiện, rượu chè để móc hết tiền trong túi công nhân. Chúng quyết không để cho công nhân có thể dành dụm được tiền, vì sợ có tiền đi tàu xe họ sẽ bỏ về xứ hết.

Ngày lĩnh lương hàng tháng thường diễn ra trong cảnh hãi hùng, ai cũng lo sợ, hồi hộp. Lo sợ bị đánh hoặc bị cúp phạt. Thường thường khi phát lương, tên thủ quỹ của đồn điền bắt công nhân xếp hàng có trật tự ở phòng phát tiền, rồi hấn chiếu theo danh sách mà gọi số của từng người vào lãnh ⁸.

Chúng gọi đến số nào thì người ấy phải “dạ” một tiếng thật nhanh, nhào tới lãnh luôn, lãnh tiền xong, nhét vội vào túi rồi chuồn đi ngay. Người nào tai nghễnh ngãng để cho chúng phải gọi tới lần thứ hai, chắc chắn sẽ ăn no đòn. Khi chúng trao tiền, người công nhân không được đếm, bởi vì nếu đếm, chúng cho là người ấy nghi chúng ăn gian, lập tức sẽ bị đánh hoặc bị cúp lương.

Lefèbvre - một tác giả người Pháp, trong một quyển sách của mình, mô tả ngày lãnh lương của công nhân cao su miền Đông Nam bộ như sau:

(7) Theo Thành Nam. Sdd. Trang 30.

(8) Công nhân cao su vào làm trong đồn điền thường phải đeo số thay cho tên.

“Hôm nay là ngày phát tiền. Hai giờ chiều, cu-ly tràn tới buông phát... những thân hình gầy gò đi tới, đi lui. Một tiếng xào xạc của chân không giẫm trên lá khô, một cái cựa quậy của những xương bả vai nổi hẳn ra ngoài, của những bộ ngực lồi xương sườn và của những sợi gân sần sùi ngồi chồm hổm, không nhúc nhích, nhưng căng thẳng như những con ve. Những người đàn ông và đàn bà này tuồng như đã đương đầu với số phận khắc nghiệt của mình bằng một sự lơ đãng thụ động... Mặt những người đàn ông có một hàm ria nhỏ nhưng sắc, như cúi xuống nhận chịu hai công thức tàn nhẫn của cuộc đời là: làm lụng và nghèo nàn; mặt những người đàn bà thì có vẻ lạnh hơn, đeo đầy vòng sắt xi trắng, râu những đồ trang sức tạp nham, phản ánh sự đầu hàng yên phận...”

Bị chửi đi từng tàu đầy từ những xứ cùng khốn, những con người này phơi ra nơi đất lạ trời xa tất cả sự thống khổ của những con người tha phương cầu thực⁽⁹⁾.

Lao động vất vả, ăn uống khổ cực, tiền lương chết đói, tất cả những điều đó chưa đủ nói hết nỗi thống khổ cùng cực của người dân “công tra”, nếu không nói đến đủ thứ hình phạt vô nhân đạo, sự hành hạ tàn nhẫn mà bọn chủ trút lên đầu người công nhân đồn điền.

Công nhân cao su miền Đông Nam Bộ đã tổng kết có đến 15 trường hợp bị đánh:

1. Vào hàng chậm và ngồi không ngay ngắn: đánh!
2. Đặt bát hứng mủ hơi nghiêng, không lau kỹ bên trong và bên ngoài: đánh!

(9) Tài liệu biên soạn của Nguyễn Hải Trường, lưu trữ tại Thư viện Quốc gia. Ký hiệu VN. 3169 -3170, dẫn lại của Thành Nam, sdd. Trang 21.

3. Cạo không ngay, miệng cạo không thẳng: đánh!
4. Cạo không đúng kích thước quy định - sâu một mi-li-mét: đánh!
5. Cạo dày hơn một mi-li-mét: đánh!
6. Cạo vào xương cây: đánh!
7. Mủ rơi xuống đất vài giọt mà không vét lên hết: đánh!
8. Trời mưa để mủ tràn dính thân cây mà không gỡ kịp: đánh!
9. Phần cây bắt buộc phải làm trong một ngày mà không làm hết: đánh!
10. Dao mài không sắc: đánh!
11. Bệnh chưa liệt giường liệt chiếu mà không đi làm: đánh!
12. Không đủ số mủ quy định: bị cúp tiền công và đánh!
13. Không biết “đi lại” đút lót cấp trên: đánh!
14. Có vợ trông dễ coi mà không “cống nạp” cho chúng, người chồng không những bị đánh mà có thể bị giết chết.
15. Để gốc cây bần: đánh!

Hình thức đánh đập rất đa dạng và tàn nhẫn: bắt quỳ và trói vào gốc cây mà đánh; bắt nằm sấp chống hai chân lên trời mà đánh cho nát hai gan bàn chân rồi bắt chạy bộ hai cây số; phụ nữ có thai, chúng bắt tự đào hố đặt vừa cái bụng chữa rồi bắt nằm úp xuống cái hố đó mà đánh. Nhiều chị em sau khi bị chúng đánh đòn, thai nhi phọt ra ngoài và chết ngay tại chỗ...

Lao động nặng nhọc, ăn uống thiếu thốn, luôn bị hành hạ, đánh đập, nạn muối, mòng, vắt, kiến, thú dữ, tất cả những cái đó là nguồn gốc gây ra đủ thứ bệnh tật cho người công nhân

cao su. Nhưng khi ốm đau họ lại bị đối xử chẳng kém gì con ngựa, con trâu.

Theo chế độ quy định của các đồn điền, người công nhân nào ốm liệt giường liệt chiếu mới được đi nhà thương. Nhưng được đi nhà thương chưa phải là đã yên ổn. Vì rằng trong ý thức của bọn chủ đồn điền đều cho rằng cu-ly đều lười biếng cả, người nào cũng muốn kiếm chuyện đi nhà thương để được nghỉ ngơi. Do đó, chúng đã ra lệnh cho các bác sĩ, y sĩ, y tá phải biến nhà thương thành nhà tù, phải tra tấn dã man để qua đó biết ai bệnh thật, ai bệnh giả. Người bệnh nào mà bị chúng đánh mà không còn biết đau nữa, lúc đó chúng mới tin là có bệnh thật. Tiếc rằng, khi ấy thì đã quá muộn...

Trong nhà thương, người bệnh ốm nằm bao lâu mặc kệ, nhưng khi vừa ăn được bát cháo là “có việc làm ngay” như lau nhà, xách nước, làm cỏ ở vườn hoa v. v.... Những ai bị bệnh quá nặng bọn chủ và cai xếp cũng không cho đi Sài Gòn để chạy chữa vì sợ tốn kém và “mất thanh danh” của đồn điền. Người nào bị bệnh lao, chúng chỉ mong cho chết sớm. Ai bị bệnh sâu quảng thì chúng cưa phứt luôn tay hoặc chân. Vì vậy mà người ta không ngạc nhiên khi thấy trong các đồn điền có người què chân, cụt tay đi ăn xin.

Theo các tài liệu cũ, vào năm 1928, tại một đồn điền của Công ty Đất Đỏ, tính ra cứ 100 công nhân thì có 19 người chết và 37 người bị bệnh nặng. Tại đồn điền An Lộc, tuổi thọ bình quân của nam công nhân không quá 30. Có 95% nữ công nhân bị sẩy thai và ốm đau. Nhiều trẻ em mới hai ba tuổi đã mắc bệnh sưng lá lách và phù thận. Nhiều đồn điền không ngày nào là không có người chết. Ở đồn điền An Lộc, số người chết

do ốm đau, bệnh tật có ngày lên tới năm, sáu người. Trong những năm 1935 - 1942, tại nghĩa địa 97 và nghĩa địa Núi Đỏ, hàng ngày mỗi nơi có hai người chuyên đào huyệt mà vẫn không đủ chỗ để chôn người chết ¹.

Ngoài cái chết do bị đánh đập, ốm đau, công nhân còn tự tử chết vì quá uất ức hoặc chết vì trốn vào rừng, lẫn quất không lối ra, bị đói khát, bệnh tật.... Mặt khác, công nhân còn chết vì rắn cắn, hổ beo ăn thịt hoặc chết vì bị cây rừng đè. Khi chết, người công nhân không có áo quan mà chỉ được bó chiếu đem chôn. Nghĩa địa của công nhân lại trở thành một vườn ươm cây mới của bọn chủ đồn điền:

“Cao su xanh tốt chốn này

Mỗi cây bón một xác người công nhân,

Hận thù trời đất không cầm

Càng tươi dòng mủ càng bầm ruột gan”.

Trong hoàn cảnh bị đọa đầy vùi dập, ý thức đấu tranh của công nhân đồn điền luôn sôi sục. Những hình thức phản kháng khá phổ biến là bỏ trốn, tự tử, nổi dậy giết cai xu độc ác, lẫn công, triệt hạ cây trồng... Thực chất của những hình thức phản kháng này là đấu tranh giai cấp, nhưng nhìn chung chỉ mới dừng lại ở mức độ tự phát, thậm chí một vài hình thức đấu tranh còn mang tính chất tiêu cực (tự tử), cho thấy ý thức giác ngộ giai cấp chưa cao. Mặt khác, những cuộc đấu tranh của công nhân cao su còn diễn ra lẻ tẻ, chưa tạo được mối liên kết và phối hợp đồng bộ, do vậy hầu hết đều bị thất bại, trong nhiều trường hợp còn bị đàn áp, khủng bố hết sức dã man. Tuy nhiên,

(1) Theo Thành Nam. Sdd. Trang 28-29.

chính qua thực tiễn đấu tranh, đội ngũ công nhân đồn điền càng thương yêu, đoàn kết gắn bó với nhau hơn, nhận thức về kẻ thù, về giai cấp ngày càng được nâng cao hơn, kinh nghiệm đấu tranh cũng được tích lũy ngày càng phong phú hơn. Nói cách khác, cho đến giữa thập niên hai mươi, phong trào công nhân - trong đó có công nhân cao su - đã trở thành mảnh đất màu mỡ để những hạt giống đỏ của chủ nghĩa Mác - Lênin vừa được ươm mầm nhanh chóng đơm hoa, kết trái.

Tháng 6-1925 hội Việt Nam cách mạng thanh niên (VNCMTN) được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập ở Quảng Châu (Trung Quốc), nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước, trước hết là trong phong trào công nhân. Từ năm 1927, kỳ bộ Nam Kỳ của hội VNCMTN đã nhận được nhiều sách báo và tài liệu tuyên truyền cách mạng. Năm 1928, thực hiện chủ trương “vô sản hóa”, nhiều hội viên của kỳ bộ đã vào các nhà máy, đồn điền làm thợ để tuyên truyền vận động, xây dựng và phát triển cơ sở cách mạng trong công nhân. Tháng 4/1928 chi bộ hội VNCMTN ở đồn điền Phú Riềng được thành lập, nhanh chóng tạo ảnh hưởng rộng rãi trong phong trào công nhân cao su và phong trào cách mạng toàn tỉnh Thủ Dầu Một.

Đêm 28-10-1929 Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đồn điền cao su Phú Riềng được thành lập gồm 6 đảng viên do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư. Đây là Chi bộ cộng sản đầu tiên của ngành cao su Việt Nam, đồng thời là Chi bộ đầu tiên của tỉnh Thủ Dầu Một ngày ấy, tỉnh Bình Phước hiện nay. Kể từ thời điểm này, phong trào đấu tranh của công nhân cao su và của nhân dân Bình Long đã bắt đầu có sự lãnh đạo của tổ chức cộng sản.

Ngày 3-2-1930 (mồng 5 Tết Canh Ngọ), 5.000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng dưới sự lãnh đạo của chi bộ cộng sản thực hiện tổng bãi công, làm nên sự kiện “Phú Riềng đỏ” gây rung chuyển cả hệ thống địa ngục cao su Đông Dương, chấn động dư luận trong nước và nước Pháp. Sự kiện “Phú Riềng đỏ” khẳng định một khi phong trào công nhân có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản thì tính tích cực, sáng tạo, tự giác và ý thức tổ chức kỷ luật của công nhân sẽ được phát huy cao độ, tạo nên sức mạnh lớn lao để giành thắng lợi.

Trước làn sóng cách mạng dâng cao, thực dân Pháp thi hành chính sách khủng bố trắng trên phạm vi toàn quốc, thẳng tay đàn áp lực lượng cách mạng, đánh phá cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng. Phong trào công nhân cao su miền Đông Nam Bộ nói chung, vùng Bình Long - Hớn Quản nói riêng từ cuối năm 1930 lâm vào tình thế khó khăn nghiêm trọng. Nhưng đến cuối năm 1932 đầu năm 1933, những cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Dầu Tiếng và công nhân Biên Hòa cho thấy việc khôi phục bước đầu của phong trào cách mạng. Tiếp đó là những cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền Đa Kia, Lộc Ninh....

Tiếng vang của những cuộc đấu tranh quyết liệt này có ảnh hưởng rất lớn đến đội ngũ công nhân cao su vùng Hớn Quản - Bình Long. Khẩu hiệu đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ trong các đồn điền liên tục được nêu lên, buộc bọn chủ phải giải quyết những yêu sách chính đáng của công nhân. Mặc dù bị đàn áp, công nhân trong các đồn điền Quán Lợi, Xa Cam, Xa Trạch, Bình Sơn, Phú Hưng thuộc Công ty Đất đỏ cũng như công nhân trong các đồn điền khác trên khắp miền Đông Nam Bộ, lần lượt nổi dậy đấu tranh mặt giáp mặt với chủ

đồn điền, buộc chúng phải giải quyết những yêu sách không được phát gao mục, cá thối cho công nhân. Thông qua những cuộc đấu tranh này, đội ngũ công nhân được củng cố, kinh nghiệm đấu tranh được tích lũy. Nhiều công nhân qua thử thách, đã trở thành những cán bộ ưu tú của Đảng.

Từ sau năm 1933, do dân phu công-tra ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ vào đông, anh em công nhân cũ siết chặt hàng ngũ với anh em dân phu mới đoàn kết đấu tranh, càng làm cho phong trào thêm mạnh. Bọn chủ của nhiều đồn điền ở Hớn Quản, Thuận Lợi... buộc phải hủy bỏ chế độ ăn chung, ở chung, phát gao cho về nhà nấu ăn riêng. Có đồn điền đã bắt đầu mở trường dạy học cho một số anh em công nhân.

Năm 1936, tình hình thế giới, trong nước có nhiều chuyển biến quan trọng. Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương phát động cao trào đấu tranh đòi dân chủ dân sinh. Tại Bình Long, Hớn Quản, được sự cổ vũ từ thắng lợi của cuộc đấu tranh của tù nhân Côn Đảo đòi thả tù chính trị, cải thiện chế độ lao tù, anh chị em công nhân các đồn điền cao su đã họp bàn cùng nhau hưởng ứng cuộc đấu tranh ấy, chuyển thành cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, làm việc có giờ giấc, cải thiện điều kiện lao động, buộc bọn chủ đồn điền phải nhượng bộ. Trước kia, ba giờ sáng bọn cai xếp đã điểm danh, chín giờ đêm chúng mới cho về. Nhưng lúc này, năm giờ sáng chúng mới bắt đầu điểm danh đi làm và sáu giờ tối chúng đã cho công nhân về. Về đời sống, ngoài việc bán gạo, chúng còn buộc phải bán thêm một số thức ăn như nước mắm, cá khô, rau cải, thỉnh thoảng có bán cả thịt bò, thịt heo...

Cũng do kết quả của cuộc đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, ở đồn điền Quản Lợi và một số đồn điền khác, bọn

chủ bắt đầu cho mở trường học, xây dựng bệnh viện v.v... Đời sống của công nhân phần nào có được cải thiện.

☪ Từ cuối năm 1936, thực hiện chủ trương mới của Đảng là kết hợp các hình thức đấu tranh bí mật, công khai và bán công khai, mở rộng việc xây dựng các tổ chức quần chúng, thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương, đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ... Tại các đồn điền cao su ở Bình Long cũng như ở các địa phương khác, các tổ chức cơ sở cũ của công nhân được củng cố, một số tổ chức cơ sở mới được hình thành, đóng vai trò nòng cốt trong nhiều cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ. Đi đôi với việc củng cố, phát triển các tổ chức cơ sở, Đảng còn cử nhiều cán bộ về các địa phương để gây dựng phong trào cách mạng. Một số cán bộ đi vào các làng công nhân cao su gặp gỡ bà con, tuyên truyền giác ngộ cách mạng, vận động tổ chức ra các hội quần chúng như Hội đá banh, Hội đồng hương Phong trào đấu tranh ở các đồn điền cao su lên mạnh. Ở một số đồn điền - trong đó có đồn điền Quản Lợi, công nhân tổ chức biểu tình và cử đại diện đưa yêu sách đòi tăng lương, thi hành luật ngày làm việc tám giờ, giảm phần cạo lột từ 400 cây xuống 350 cây ngày, khi bị bệnh phải có thuốc uống...

Như vậy, trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939 công nhân ở các đồn điền cao su Quản Lợi, Xa Cát, Xa Trạch... cùng nông dân và các tầng lớp nhân dân khác dưới sự lãnh đạo của Đảng đã hòa nhịp và góp phần xứng đáng vào phong trào cách mạng của toàn tỉnh, toàn miền. Qua thực tiễn đấu tranh, đội ngũ công nhân cao su Bình Long - Hớn Quản đã có sự trưởng thành vượt bậc, thực sự trở thành lực lượng đi đầu, nêu cao tính tiên phong tự giác hướng dẫn quần chúng cách

mạng bước tiếp vào một giai đoạn đấu tranh mới trực tiếp chuẩn bị về mọi mặt để tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.

II. CÔNG NHÂN VÀ ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC Ở BÌNH LONG ĐẨY MẠNH ĐẤU TRANH, TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (THÁNG TÁM NĂM 1945)

Tháng 9-1939 chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Thực dân Pháp ở Đông Dương ra nghị định giải tán các tổ chức ái hữu, nghiệp đoàn, xóa bỏ các quyền tự do dân chủ, tấn công vào Đảng Cộng sản... Trước tình hình đó, Trung ương Đảng quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, tích cực chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

Quán triệt chủ trương của Trung ương, Xứ ủy Nam Kỳ khẩn trương xúc tiến kế hoạch khởi nghĩa trên toàn miền. Ở tỉnh Thủ Dầu Một, tỉnh ủy cũng tích cực đẩy mạnh công tác vận động quần chúng nổi dậy. Tuy nhiên, do kế hoạch khởi nghĩa bị lộ, thực dân Pháp triển khai lực lượng đề phòng nên ở một số địa phương, khởi nghĩa không nổ ra được như dự định. Ở Hớn Quản - Bình Long, tuy không tiến hành nổi dậy nhưng những tấm gương chiến đấu, hy sinh anh dũng của các chiến sỹ Nam Kỳ khởi nghĩa đã có ảnh hưởng sâu sắc đối với công nhân đồn điền cao su và đồng bào các dân tộc. Mặt khác, để tránh sự khủng bố truy lùng của giặc sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, nhiều cán bộ, đảng viên như đồng chí Lê Đức Anh, Nguyễn Xang, Nguyễn Văn Tăng đã chuyển hoạt động trong các đồn điền cao su về vùng nông thôn, vùng dân tộc ở Hớn Quản, Lộc Ninh. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su và đồng bào dân tộc vùng Bình Long - Hớn Quản lại dâng cao hơn, có

tổ chức chặt chẽ và quy củ hơn nhờ hoạt động của một số đảng viên chuyển vùng về một số đồn điền. Các cơ sở cách mạng được xây dựng và phát triển mạnh, nhiều cuộc đấu tranh mang đậm tính chất dân tộc và giai cấp với khẩu hiệu: “Tổ quốc và sự giải phóng cần lao”. Ở đồn điền Quản Lợi, công nhân đòi tư bản Pháp rút về nước, trả lại đồn điền cho người Việt Nam quản lý...

Cuối năm 1942, số đảng viên hoạt động ở các đồn điền vùng Hớn Quản, Lộc Ninh, Dầu Tiếng... đã vài lần hội họp cùng các đảng viên hoạt động ở Bến Cát, Lái Thiêu... để chuẩn bị tái lập Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, kết thúc thời kỳ tạm lảng của phong trào cách mạng trong toàn tỉnh.

Mùa xuân năm 1943, tại làng 1 đồn điền cao su Dầu Tiếng, Ban cán sự Đảng - tức Tỉnh ủy lâm thời - tỉnh Thủ Dầu Một được thành lập gồm các đồng chí Văn Công Khai, Lê Đức Anh, Nguyễn Văn Thi, Nguyễn Văn Chung và Vũ Văn Hiến, đồng chí Văn Công Khai được cử làm Bí thư. Theo sự phân công của Tỉnh ủy, các đồng chí Nguyễn Văn Chung, Lê Đức Anh về hoạt động ở vùng Hớn Quản, Lộc Ninh, chỉ đạo phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân và đồng bào các dân tộc. Các đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời còn đề ra các công tác cụ thể như xây dựng các chi bộ Đảng, lựa chọn quần chúng tốt làm nòng cốt để lập ra các hội cứu quốc, bắt liên lạc với Xứ ủy và Trung ương...

Từ đầu năm 1944, theo chủ trương của Tỉnh ủy, điều lệ Việt minh được phổ biến sâu rộng trong công nhân và đồng bào vùng Bình Long - Hớn Quản. Đến cuối năm 1944 đầu năm 1945, các đội cứu quốc ra đời và hoạt động ngày càng mạnh, phần lớn công nhân các đồn điền đều gia nhập tổ chức

công nhân cứu quốc. Tiếp đó, các hội viên công nhân cứu quốc lại đến các làng, sóc vận động đồng bào S'tiêng, Tà Mun, Khmer... tham gia tổ chức của đồng bào dân tộc với tiếng gọi “Tổ chức những người Việt Nam mới”. Tổ chức này thu hút đông đảo nhân dân tham gia, lập ra nhiều đội tự vệ trang bị cung, nỏ, súng săn..., hằng hái luyện tập và chuẩn bị mọi mặt để khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 9-3-1945, phát xít Nhật làm đảo chính hất cẳng thực dân Pháp. Tại Hớn Quản, sau khi hạ bệ bọn Pháp, Nhật đưa đám người Việt tay sai lên làm quận trưởng, quận phó. Bộ máy hành chính vẫn như thời Pháp, không có gì thay đổi. Nhật dùng lại toàn bộ các ban tề để thi hành lệnh của chúng như bắt sâu, kéo cừ, chặt cây để làm công sự và hầm trú ẩn.... Tại đồn điền Quản Lợi ở Hớn Quản cũng như hầu hết các đồn điền cao su ở miền Đông Nam Bộ, Nhật chiếm lấy công sở để đóng quân, ra lệnh ngừng sản xuất cao su, bắt công nhân đi đào công sự. Hằng ngày, chúng phát cho mỗi người hai lon gạo, một lon tương, không trả tiền công. Cảnh đói khát, chết chóc diễn ra hằng ngày, hằng giờ đối với công nhân. Dưới ách phát xít, đời sống công nhân và đồng bào các dân tộc vô cùng điêu đứng. Họ sôi sục căm thù, sẵn sàng đứng lên một khi thời cơ đến.

Ngay sau khi nhận được tin Nhật làm đảo chính, Hội nghị mở rộng của Thường vụ Trung ương Đảng đã nhận định là cuộc đảo chính sẽ tạo ra một tình thế khủng hoảng chính trị sâu sắc làm cho những điều kiện của cuộc tổng khởi nghĩa chín muồi nhanh chóng. Ngày 12-3-1945 Hội nghị ra chỉ thị “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, chủ trương đưa ra

khẩu hiệu “Đánh đuổi Pháp - Nhật” và phát động cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa.

Quán triệt chỉ thị của Trung ương Đảng, ngay trong tháng 3-1945, Ban cán sự Đảng Thủ Dầu Một họp hội nghị đề ra chủ trương cấp bách chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, đồng chí Lê Đức Anh sau khi dự Hội nghị ở tỉnh về đã tổ chức chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa trên tất cả các đồn điền ở Hớn Quản, Lộc Ninh. Từ tháng 6 đến tháng 8-1945, công tác chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền được đẩy mạnh. Hàng loạt các tổ chức đoàn thể ra đời và bắt đầu hoạt động công khai như tổ chức Thanh niên Tiền phong, Công nhân cứu quốc, Hội Phụ nữ và các đội tự vệ - lực lượng vũ trang của công nhân. Công tác chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền cũng lan rộng trong đồng bào các dân tộc ở địa phương. Bà con tích cực rèn dao, làm ná, vót cung tên ủng hộ cách mạng. Đồng bào các dân tộc ở Hớn Quản đã tổ chức ra một đội bán vũ trang khoảng vài chục người được trang bị cung tên, giáo gươm, dao và khoảng sáu bảy cây súng trường, súng săn do anh Giáo (thầy giáo người Kinh chỉ huy).

Tại Hưng Cai (xã Hiệp Thành) vào tháng 8-1945, một đơn vị Thanh niên Tiền phong do anh Cúc và Lê Văn Trì lãnh đạo được thành lập. Anh em đã vận động phụ nữ làm công tác binh vận lấy súng Nhật, một số đội viên đã cướp được sáu cây súng.

Trong khi quần chúng nhân dân và đồng bào các dân tộc ở Bình Long đang nô nức chuẩn bị tổng khởi nghĩa, thì ngày 13 tháng 8, tin phát xít Nhật đầu hàng đồng minh không điều kiện

báo hiệu thời cơ quyết định vận mệnh của đất nước đã được chín muồi. Liên sau đó, Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân Đại hội Tân Trào cùng Tổng bộ Việt Minh phát động nhân dân cả nước đứng lên tổng khởi nghĩa.

Chấp hành mệnh lệnh của Hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Đông Dương và Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam, ngày 20-8-1945, Ban Cán sự Đảng tỉnh Thủ Dầu Một họp hội nghị mở rộng đến bí thư chi bộ tại xóm Giếng Máy, xã Hiệp Thành. Hội nghị quyết định:

1. Thành lập Ủy ban khởi nghĩa tỉnh do đồng chí Văn Công Khai phụ trách.
2. Các cơ sở thành lập ngay Ủy ban khởi nghĩa.
3. Ngày 25-8-1945, tập trung lực lượng trong toàn tỉnh giành chính quyền tại thị xã.
4. Các thị trấn, các đầu mối đồn điền cao su đồng loạt khởi nghĩa, hoặc sớm hơn tùy tình hình cụ thể.

Hội nghị còn chủ trương hết sức tránh những vụ khiêu khích của địch, nếu chúng chống lại thì sử dụng lực lượng tự vệ chiến đấu và huy động quần chúng đấu tranh. Hội nghị khẳng định trong bất kỳ tình huống nào cũng phải giành chính quyền thắng lợi, coi đó là nguyên tắc cao nhất của cách mạng. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy và Ủy ban khởi nghĩa, ngày 25-8-1945, nhân dân Bình Long đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong khí thế tiến công sôi sục.

Tại các đồn điền Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch, Bình Sơn..., công nhân nổi dậy tổ chức mít-tinh rồi chuyển sang biểu tình, trang bị xẻng, cuốc, thuổng, gậy gộc, xà beng, kìm, búa, có cả súng trường và lựu đạn, kéo nhau đi chiếm nơi ở và làm việc

của bọn chủ tư bản, giành lại quyền làm chủ đồn điền. Đồng thời, công nhân các đồn điền dùng gậy tầm vông vót nhọn và dao găm cùng một ít súng kéo tới vây các đồn bót có lính Nhật chiếm đóng. Các đại biểu công nhân hùng dũng tiến vào tận sào huyệt địch, tuyên bố cho chúng biết mục tiêu của mình là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giành lại độc lập và tự do, yêu cầu bọn Nhật giao trả lại quyền quản lý các đồn điền cho công nhân.

Trước sức mạnh đấu tranh của công nhân. Ở hầu hết các đồn điền, bọn chủ tư bản và bọn chỉ huy quân Nhật đều run sợ. Chúng vội vàng giao chìa khóa tủ sắt, công xưởng, cùng các kho tàng, máy móc trong các đồn điền cho đại biểu công nhân.

Sau khi giành lại quyền quản lý các đồn điền, đồng đảo anh chị em công nhân cùng với đồng bào các xã Kinh và đồng bào các dân tộc - mà nòng cốt là lực lượng Thanh niên Tiền phong - kéo về chợ Hớn Quản, tổ chức một cuộc mít-tinh lớn nhằm biểu dương lực lượng cách mạng, đồng thời cướp chính quyền ở quận lỵ. Tại cuộc mít-tinh, đồng chí Nguyễn Văn Trung (tên thường gọi là Ba Trung) - một trong hai đồng chí được Ban cán sự Đảng tỉnh Thủ Dầu Một phân công phụ trách vùng đồn điền cao su và vùng đồng bào dân tộc ở vùng Hớn Quản, Lộc Ninh, đã giải thích rõ chủ trương khởi nghĩa, đồng thời kêu gọi nhân dân ủng hộ cách mạng, giữ vững chính quyền vừa mới giành được. Cuộc mít-tinh cũng chính là cuộc nổi dậy biểu dương lực lượng, giành chính quyền diễn ra với khí thế vô cùng rầm rộ, náo nức.

Ngay sau thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa, chính quyền cách mạng các cấp được thành lập. Ủy ban nhân dân Quận do

đồng chí Tốt làm Chủ tịch đóng trụ sở tại thị trấn Hớn Quản. Tại các đồn điền Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch, Bình Sơn, chính quyền cách mạng cũng được thành lập. Ngoài ra công nhân còn cử đại biểu tham gia các ủy ban nhân dân địa phương, góp sức xây dựng chính quyền mới.

Cũng trong sáng ngày 25 tháng Tám năm 1945, cùng với việc khởi nghĩa giành chính quyền ở quận và ở các đồn điền, một bộ phận nhân dân Bình Long trong đó có công nhân các đồn điền đã kéo về hiệp lực với hàng vạn nhân dân thị xã Thủ Dầu Một giành chính quyền ở tỉnh lỵ. Cuộc khởi nghĩa tại đây toàn thắng vào lúc 14 giờ cùng ngày.

Sau khi chính quyền cách mạng Hớn Quản được thành lập, để tăng cường lãnh đạo nhân dân xây dựng và bảo vệ thành quả vừa mới giành lại được, tổ chức Đảng tại địa phương đã thành lập thêm các tổ chức chính trị và quân sự như Quận bộ Việt Minh, Quốc gia tự vệ cuộc. Lực lượng “Quốc gia tự vệ cuộc” do đồng chí Tám Ngân - nguyên trưởng ga Xa Cát - làm chỉ huy trưởng, có nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trong đó có bộ phận công an xung phong do đồng chí Chín Chức chỉ huy, hoạt động sâu trong thị trấn, chuyên lo việc trừ gian diệt ác.

Ngoài lực lượng “Quốc gia tự vệ cuộc”, ở Hớn Quản lúc này còn có lực lượng “Quốc vệ đội” - lực lượng vũ trang tập trung - trực thuộc “Quốc gia tự vệ cuộc” Tỉnh¹, do đồng chí Hai

(1) Lúc bấy giờ, trong lực lượng “Quốc gia tự vệ cuộc” tỉnh Thủ Dầu Một do anh Nâu làm chỉ huy trưởng, có lực lượng vũ trang tập trung, chia làm hai bộ phận: Quốc vệ đội I, hoạt động ở vùng Bến Cát và phía nam tỉnh., Quốc vệ đội II, hoạt động ở phía bắc tỉnh, từ Chơn Thành lên Hớn Quản.

Rua, Ba Lung, Chín Chánh, Năm Kỉnh chỉ huy với phạm vi hoạt động từ Minh Thạnh qua Chơn Thành, ngược lộ 13 lên Hớn Quản.

Ở các xã, tổ chức Thanh niên Tiền phong được củng cố, kiện toàn. Mỗi đội Thanh niên Tiền phong có đội trưởng, đội phó và liên lạc, được trang bị bằng dao găm, tầm vông vạt nhọn, dây thừng, thường xuyên tập dượt đội hình, đảm nhận nhiệm vụ tuần tra, canh gác, giữ gìn trật tự trị an².

Như vậy, chỉ trong một buổi sáng ngày 25 tháng Tám năm 1945, nhân dân Hớn Quản đã làm một cuộc đổi đời lịch sử. Mới hôm qua còn là người dân nô lệ, là kẻ làm thuê phải bán kiệt sức lao động để đổi lấy cuộc sống lây lất qua ngày, thì hôm nay đã là người dân của nước Việt Nam độc lập, là người chủ của tất cả ruộng rẫy, rừng núi, đồn điền...

Trong khí thế cách mạng sôi nổi và hào hùng, sáng ngày 2 tháng 9, hàng nghìn công nhân, nông nhân cùng đồng bào các dân tộc vùng Bình Long - Hớn Quản với trang bị dao găm, gậy tầm vông, súng trường vừa cướp được của giặc nô nức kéo về Sài Gòn dự lễ mừng độc lập.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ngày 25 tháng Tám năm 1945 là kết quả của những tháng năm theo Đảng làm cách mạng, củng cố thêm hành trang bản lĩnh và kinh nghiệm để đội ngũ cán bộ Đảng viên, công nhân và nhân dân Bình Long tiếp tục bước vào cuộc chiến đấu mới chống thực dân Pháp tái xâm lược.

(2) Báo cáo chính trị của BCH huyện Đảng bộ Bình Long tại Đại hội Đảng bộ lần 1 (vòng 2) 1977. Trang 3

Chương hai

BÌNH LONG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)

I. XÂY DỰNG VÀ Củng cố LỰC LƯỢNG, TÍCH CỰC HUỖNG ỨNG LỜI KÊU GỌI NAM BỘ KHÁNG CHIẾN (9/1945 - 12/1946)

Thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 đã kết thúc thời kỳ tủ nhục, khổ đau của các tầng lớp nhân dân lao động Bình Long dưới ách thống trị đọa đày của chế độ thực dân phong kiến. Lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân Bình Long đã thực sự làm chủ đời mình và tham gia vào sự nghiệp xây dựng đất nước. Trong không khí phấn khởi của những ngày đầu cách mạng, các tầng lớp nhân dân trong đó phân nửa là công nhân đồn điền - hăng hái tham gia vào công cuộc xây dựng và củng cố chế độ mới.

Nhưng cách mạng thành công chưa được bao lâu thì đêm 22 rạng ngày 23-9-1945, thực dân Pháp đã theo gót chân Anh (với danh nghĩa Đồng minh vào tước vũ khí quân đội Nhật),

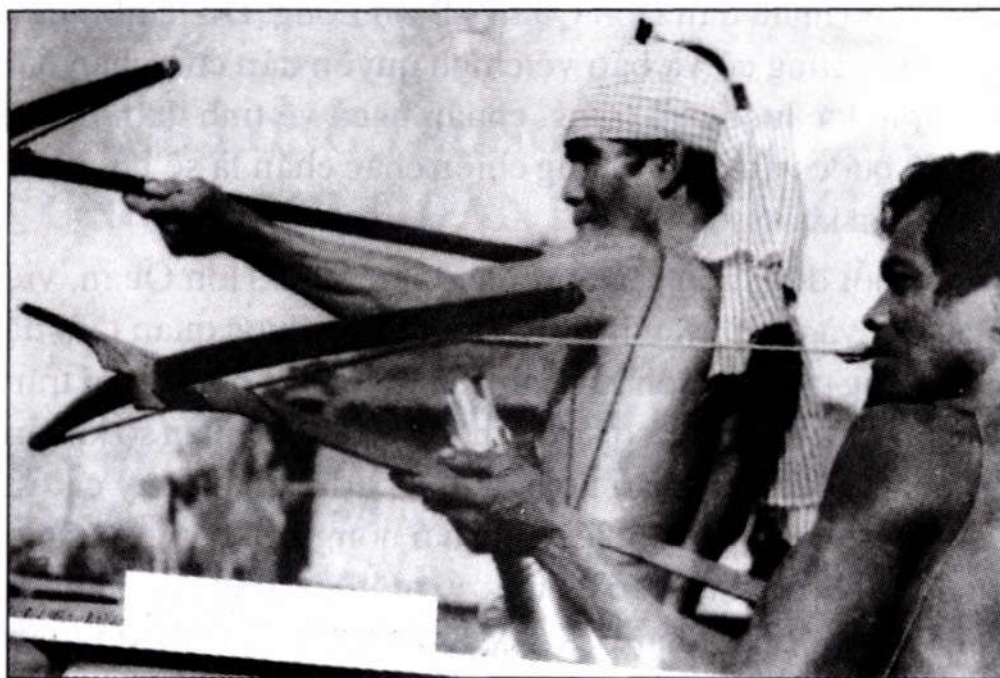
trắng trợn tấn công trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Trước dã tâm xâm lược lộ rõ của kẻ thù, sáng 23-9-1945, Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Nam Bộ ra lời kêu gọi đồng bào đứng lên kháng chiến.

Những diễn biến mới của tình hình đã đặt ra nhiệm vụ lịch sử mới cho nhân dân Hớn Quản - Bình Long. Đó là nhiệm vụ xây dựng, củng cố và bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị cả về tinh thần lẫn vật chất để bước vào cuộc kháng chiến chắc chắn là sẽ lâu dài và nhiều gian khổ.

Ở mỗi đồn điền cao su trong toàn quận Hớn Quản, việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang được quan tâm đặc biệt. Riêng tại đồn điền Xa Cam, đã tuyển lựa những trai tráng khỏe mạnh ở các làng, sở lập ra một đại đội với quân số khoảng 200 người, trang bị quần áo nâu, mũ ca-lô xanh, giày cao su, vũ khí là súng gỗ có lưỡi lê, súng hai nòng, tên ná - trưng mua của đồng bào dân tộc, có cả một số mứt-cờ-tông lấy được của Nhật do một lính Nhật ở Xa Cam bỏ hàng ngũ theo ta giao nộp. Đơn vị vũ trang này tập trung huấn luyện tại Xa Cam ít ngày, sau chuyển hẳn vào làng Bình Phú.

Ngay từ những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến, cùng với "đội quân áo nâu" - khoảng một đại đội do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy của đồn điền Lộc Ninh, quận Hớn Quản cũng đã đưa một "bộ phận tên ná" trong "quân đội cung tên" của mình tiến về chi viện cho mặt trận tiền tuyến Sài Gòn. Trong khi đó, trên địa bàn Bình Long từ khu vực chợ đông dân cho đến các làng cao su, vùng đồng bào dân tộc đều sôi sục khí thế vào trận. Trên quốc lộ 13 đoạn Chơn Thành - Lộc Ninh (khoảng

Xóm Tàu Ô đến đồn điền Xa Cát), chính quyền cách mạng huy động hàng ngàn dân cùng với lực lượng vệ quốc đoàn và tự vệ các xã tiến hành đào đường, đốn hạ cây cối hai bên đường lập chướng ngại vật, nhằm ngăn chặn bước tiến của quân xâm lược, đồng thời bố trí phục kích từng đoạn chờ đánh địch đánh nổ ra.



“Đội quân cung tên” của đồng bào S’tiêng

Trong các đồn điền, làng sở, công nhân được hướng dẫn vận chuyển kho tàng, máy móc vào rừng sâu, đồng thời phá hủy các cơ sở sản xuất còn lại của giặc, đưa dân di rời khỏi vị trí có khả năng địch sẽ tới chiếm. Ngoài ra, còn vận động bà con nhân dân là những người không có cơ sở kinh tế gì ở đồn điền làng sở, tản cư vào các làng xã ven đồn điền hoặc tản cư về các tỉnh miền Trung, miền Tây Nam Bộ để làm ăn sinh

sống. Cuộc vận động này được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Phong trào bất hợp tác với địch phát triển rầm rộ và lan nhanh khắp các đồn điền Hớn Quản - Bình Long.

Để hỗ trợ quần chúng tản cư, lực lượng vũ trang nhận nhiệm vụ phục kích chặn giặc. Sau ba, bốn ngày chờ đợi, lực lượng này được lệnh rút về làng sở, phối hợp cùng nhân dân thực hiện “bãi chợ, bãi công và tiêu thổ kháng chiến”.

Kế đó, lực lượng vệ quốc đoàn vừa được xây dựng ở các đồn điền được lệnh rút vào rừng, vận chuyển theo lương thực, thực phẩm để tự túc hậu cần và chờ lệnh triển khai kháng chiến của cấp trên. Lực lượng vệ quốc đoàn đồn điền Quản Lợi di chuyển đến 2 điểm: một điểm là Sóc Tà Bái, một điểm ở hướng sở Bù Nho đều thuộc phía đông Sông Bé. Lực lượng vệ quốc đoàn của hai đồn điền Xa Cam và Xa Cát triển khai vào hướng giáp sông Sài Gòn (phía đông sông Sài Gòn). Tuy nhiên, do không giải quyết được vấn đề lương thực và đường liên lạc với các nơi, nên chỉ sau mấy ngày lại quay trở về làng, sở cũ để tìm biện pháp khắc phục, trừ một bộ phận nhỏ tìm đường về Tà Bái hội quân với lực lượng Quản Lợi.

Ngày 25-10-1945, giặc Pháp đánh chiếm thị xã Thủ Dầu Một. Sau đó, thị trấn Bến Cát và nhiều địa phương khác lần lượt rơi vào tay giặc sau những cuộc đụng độ quyết liệt giữa hai bên. Đoạn Chơn Thành - Lộc Ninh, giặc Pháp cũng kéo lên mấy lần nhưng bị lực lượng ta đánh tiêu hao nên buộc phải tạm lui quân.

Ngày 25-12-1945, hơn hai tháng sau ngày chiếm thị xã Thủ Dầu Một, quân Pháp có quân Anh yểm trợ, chia thành hai mũi: một mũi từ Thủ Dầu Một, một mũi từ Tây Ninh đánh vào các đồn điền cao su Dầu Tiếng, Quản Lợi và Lộc Ninh. Mặc

dù lực lượng vũ trang nhân dân địa phương chống trả kiên cường, gây cho địch một số thiệt hại, nhưng do tương quan lực lượng chênh lệch nên quân Pháp đã lần lượt chiếm đóng Hớn Quản, Lộc Ninh, mở thông được quốc lộ 13 và đoạn đường số 14 lên Bù Đốp. Sau khi tái chiếm, thực dân Pháp đẩy mạnh khủng bố và tăng cường lập các tổ chức tề điệp. Chúng tụ tập tay chân là bọn chủ đồn điền, bọn tay sai ác ôn trước đây để tổ chức lại bộ máy cai trị địa phương và tiến hành hàng loạt các cuộc bắn giết trả thù, hồng bắt công nhân trở lại sở làm, khủng bố những người tích cực tham gia khởi nghĩa... Do có tên Mai Tác là ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính phản bội, chỉ điểm, nên Pháp đã bắn chết một số cán bộ của huyện Hớn Quản như đồng chí Vị - phụ trách Quận bộ Việt Minh, đồng chí Nghĩa - ủy viên quân sự.... Đối với đồng bào dân tộc, một mặt chúng ra sức vơ vét bóc lột, mặt khác khoét sâu mâu thuẫn Kinh - Thượng, kích động bắn giết cán bộ người Kinh để được thưởng muối, vải (ban đầu chúng treo giá 3 lít muối và một ít vải xấu cho một cán bộ bị giết, về sau chúng nâng lên đến 20 lít muối rồi cả bao muối, vải). Chúng còn tiến hành bao vây về kinh tế hồng làm cho lực lượng kháng chiến thiếu lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và các loại nhu yếu phẩm khác...

Trước tình hình đó, nhiệm vụ đặt ra là phải tiến hành một số hoạt động quân sự để tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, trấn áp bọn phản động tay sai chống phá cách mạng, củng cố lòng tin của quần chúng nhân dân. Quán triệt nhiệm vụ đó, lực lượng vũ trang tập trung ở Tà Bái¹ tìm mọi cách đánh địch. Cuối tháng 12 năm 1945, ta đưa 2 trung đội gồm 6 phân

(1) Lúc này có hơn một đại đội, khoảng 150 người được trang bị khá mạnh có 2 đại liên 12,7 ly và 13,2 ly, 1 trung liên và 20 súng trường.

đội tập kích bọn giặc đóng ở vườn Rau (Sóc Xiêm) của đồn điền Quản Lợi. Ta bí mật áp sát địch nổ súng, giặc bỏ chạy tán loạn về Quản Lợi và Tét-ních. Ta thu được 1 súng, 3 lựu đạn và một số chiến lợi phẩm.

Cùng với hoạt động của cánh quân Tà Bái, cánh quân ta ở Bù Nho cũng đột nhập vào Xec-vi-xơ Tét-ních (Service Technique), diệt 1 tên Việt gian chỉ điểm.

Sau trận Sóc Xiêm 3 ngày, lực lượng vũ trang ở Tà Bái còn tổ chức trận phục kích đánh bọn địch lùng sục ra ven bìa cao su ở Xa-cô 28 và vùng Tà Bái - Sóc Ứng, sau đó được lệnh rút về Khu bộ. Lúc này, “đoàn quân áo nâu” của công nhân cao su Lộc Ninh - Hớn Quản do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy đi chi viện mặt trận Sài Gòn, sau khi mặt trận này vỡ, rút về chặn giữ cầu Bến Phên (Thủ Dầu Một), cũng được lệnh rút về xã Chánh Phú Hòa để củng cố và tăng cường lực lượng.

Các lực lượng vũ trang kháng chiến tụ hội về Khu bộ 7 sau khi tiến hành chấn chỉnh (giải ngũ bớt số anh em yếu, đưa về bám lại nhân dân và vùng dân tộc hoạt động), được thống nhất lại thành các đơn vị chủ lực của khu và tỉnh¹.

Sau khi chấn chỉnh xong tổ chức, đơn vị hỗn hợp bao gồm lực lượng ở Tà Bái, lực lượng ở Bù Nho và cánh quân do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy (tức là các lực lượng công nhân cao su của Lộc Ninh - Hớn Quản) còn lại 300 quân do đồng chí Lê Đình Kính làm chỉ huy trưởng, đồng chí Lê Đức Anh làm chính trị viên, các đồng chí Nguyễn Văn Hội và Lê Danh Cát làm

¹ Tháng 11/1945, Nguyễn Bình, Tư lệnh khu 7, triệu tập Hội nghị An Phú xã, quyết định thành lập các Chi đội, đến 1/3/1946, miền Đông hình thành 25 chi đội của tỉnh và khu.

chỉ huy phó (hai đồng chí này thuộc lực lượng ngoài Trung ương chi viện vào). Đơn vị được phân công bố trí ở một số điểm trên đường 16, trong các xóm dân và sở cao su với nhiệm vụ đánh quấy rối, tiêu hao tiêu diệt địch. Sau trận đánh ngăn chặn cuộc tiến quân của địch từ Bến Cát và Thủ Dầu Một lên đường 16 và sở Hội (tháng 1 năm 1946), đơn vị rút tạm vào rừng Đất Cuốc rồi được lệnh lên đóng tại mặt trận Thường Lang giáp bờ sông Đồng Nai.

Sau Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946, địch không tôn trọng thỏa thuận ngừng bắn đưa quân từ Biên Hòa tấn công căn cứ của ta bằng cả đường sông lẫn đường bộ. Sau khi đánh nhau với địch bằng nhiều bộ phận suốt trên đoạn đường Thường Lang, đơn vị rút về tập hợp tại rừng Lạc An, tiếp tục tổ chức chiến đấu trên bờ sông Lạc An cùng với lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa do đồng chí Sáu Ngọc chỉ huy.

Kế đó, liên quân Hớn Quản - Lộc Ninh và Biên Hòa kéo về đóng tại rừng Suối Voi. Những cuộc đụng độ với địch liên tiếp diễn ra ở Suối Voi, Giáp Lạc, để củng cố lực lượng, đơn vị kéo quân về An Tây. Sau đó lại kéo về Nhà Hát và Bà Tứ. Tại đây, sau mấy ngày trú quân, nhận thấy việc tiếp tế lương thực có khó khăn, liên quân quyết định tách ra làm hai bộ phận: Đơn vị của đồng chí Sáu Ngọc vốn là lực lượng Biên Hòa, còn bộ phận lực lượng do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy gốc Thủ Dầu Một thì tiếp tục kéo quân về Hóa Nhật, sau đó lại kéo về An Thành, An Tây. Tại đây, tháng 3-1946, theo chủ trương của Khu bộ, đơn vị tiến hành hợp quân với lực lượng của đồng chí Tư Thành gốc Bến Cát, hình thành tiểu đoàn 3, Chi đội 1, Thủ Dầu Một.

Sau khi hợp nhất một thời gian ngắn, nhận thấy không thể tập trung lực lượng đông đảo trên một địa bàn là Bến Cát, nên đầu tháng 5-1946, cấp trên lại quyết định điều lực lượng đại đội 3 gốc là dân cao su Hớn Quản - Lộc Ninh bằng mọi cách về Hớn Quản hoạt động, xây dựng cơ sở trong quần chúng để làm chỗ dựa.

Chấp hành quyết định của trên, đồng chí Lê Đức Anh đưa Trung đội A vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ, mở đường về Minh Thạnh, Tân Thành, Tân Khai, cuối cùng dừng lại tại khu rừng Trông Ba Trường xây dựng thành căn cứ kháng chiến. Nơi đây dần dần trở thành điểm dừng chân của các cơ quan quận Hớn Quản và lực lượng vũ trang Đại đội 13. Dựa vào dân 3 xã Tân Khai, Tân Thành, Minh Thạnh để hoạt động vào vùng đồng bào dân tộc và vùng cao su.

Từ căn cứ Trông Ba Trường, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Lê Đức Anh, đơn vị vũ trang tìm mọi cách mở cơ sở cao su Xa Cát, Xa Trạch, Xa Cam, Quản Lợi vào xã Tân Quang, thị trấn Hớn Quản và đồng bào dân tộc vùng này. Sau một thời gian móc nối, ta bắt liên lạc được với ông Mười Lũy, các anh Bảy Phú, Tư Nhiếp (tức Hiệp), Sáu Lục, từ những cơ sở ban đầu này ta tiếp tục mở cơ sở ở xã Tân Quang, ở các đồn điền Xa Trạch, Xa Cát, Quản Lợi, Xa Cam, ấp ga Hớn Quản. Thông qua anh Tư Hiệp và anh Chế, đặt được cơ sở ở xe lửa và nhà ga, thông qua ông Mười Lũy nối được liên lạc với đồng chí Thái Văn Sa trước là chiến sĩ của lực lượng vũ trang công nhân cao su. Việc móc nối cơ sở khá nhanh, dựa vào đó, công tác vận động bà con ủng hộ lương thực, thực phẩm, tiền bạc cho bộ đội chiến đấu thu được nhiều kết quả khả quan.

Đầu tháng 8-1946, sau khi thông qua cơ sở nắm được tình hình bố trí lực lượng của địch có sơ hở, ta tổ chức tấn công vào tận sào huyệt của giặc. Mục tiêu tấn công là dinh quận trưởng, đồn cảnh sát, nhà dây thép, nhà ga, trụ sở xã Tân Lập Phú tại chợ Hồn Quẩn và nhà một đồn trưởng cảnh sát, đồng thời tìm diệt một số tên ác ôn.

Tuy lực lượng ta ít, nhưng do địch chủ quan không kịp đối phó với trận tập kích bất ngờ, táo bạo nên trận đánh của ta đã thu được kết quả đáng kể: diệt tên Tư Quang (con trai Bảy Thảm) - một tên Việt gian có nợ máu và một số tên địch, thu được mấy cây súng và một số đạn dược, đốt phá nhà làng, nhà ga, nhà dây thép... Bên ta đồng chí Thanh, người gốc Mỹ Phước - Bến Cát, trước là nhân viên văn phòng của đồn điền Quản Lợi, bị thương gãy chân, đưa về đến căn cứ Truong Ba Trường thì hy sinh. Ngay sau trận này, nhân dân ở các vùng cao su và đồng bào dân tộc rất phấn khởi. Họ phóng đại kết quả trận đánh (thậm chí có người còn nói “đánh trận rồi, vỏ đạn của Việt Minh đi ngập đến mắt cá”) làm bọn Việt gian và cả bọn Pháp hết sức hoang mang, lo sợ.

Nhân đà thắng lợi này, ta chủ trương đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vào các vùng còn trắng trong khu vực cao su, trong thị trấn và trong đồng bào các dân tộc. Hình thức và phương pháp xây dựng cơ sở lúc này không chỉ ở mức độ xâu chuỗi như vừa qua, mà được tiến hành có hệ thống. Trong các xã nông thôn tích cực xây dựng các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân, Phụ lão và Mặt trận Việt Minh; ở các đồn điền chú trọng xây dựng nghiệp đoàn và ra sức tranh thủ nắm cho được các thầy xu, thầy ký của đồn điền, làm tai mắt cho hoạt động của

ta. Trong đồng bào dân tộc trước mắt vẫn là hình thức xâu chuỗi, bắt rế và đẩy mạnh công tác tuyên truyền kháng chiến.

Những hoạt động xây dựng cơ sở và địa bàn đang tiến hành bình thường và thuận lợi thì tại đồn điền Xa Cát và xa Trạch cơ sở bị lộ. Giặc bắt một số người tra tấn, đánh đập, những anh em công nhân là cơ sở của ta kiên cường không khai báo. Riêng anh xu Cảnh ở Xa Cát và một anh xu khác ở Xa Trạch bị Tây đem xử tử hòng răn đe phong trào.

Bị khủng bố bất ngờ, phong trào có lắng xuống, nhất là tầng lớp xu, ký có dao động. Việc đi lại, liên lạc và tiếp xúc cơ sở không còn dễ dàng như trước, hoạt động hợp pháp gặp khó khăn, nhiều anh em cơ sở phải thoát ly ra rừng như anh Nguyễn Hữu Mai ở Xa Cát, anh Phê, anh Năng ở Xa Cam, anh Năm Thành (Nguyễn Khắc Thành) ở Xa Trạch v.v...

Tuy vậy mọi hoạt động kháng chiến nói chung vẫn trên đà thuận lợi. Ủy ban kháng chiến hành chánh quận Hớn Quản (do đồng chí Út Tốt làm Chủ tịch, đồng chí Ba Lân làm Phó Chủ tịch và Quốc gia tự vệ quận Hớn Quản do đồng chí Tám Ngân làm chỉ huy trưởng) vẫn có chỗ ở bí mật trong rừng, có giao liên bí mật liên lạc với nhau và vẫn bảo đảm tiếp nhận đầy đủ chỉ thị công văn của Tỉnh ủy, cơ quan Việt Minh tỉnh, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh cùng với hoạt động mở cơ sở, vận động phong trào kháng chiến. Từ tháng 9 năm 1946, hầu hết các tổ chức nghiệp đoàn trong các đồn điền cao su ở miền Đông đã bắt liên lạc được với Liên hiệp công đoàn Nam Bộ và bắt đầu hoạt động trên một địa bàn lớn có liên hệ chặt chẽ với nhau. Tuy hình thức tổ chức và tên gọi mỗi nơi một khác như “Ủy ban công nhân”, “Công nhân cứu quốc”, “Nghiệp đoàn cao su”..., song nội dung đấu tranh đều thống nhất hướng tới

mục tiêu giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc. Đến tháng 12 năm 1946, các tổ chức công đoàn cao su miền Đông đã qui về một đầu mối thống nhất là “Nghiep đoàn cao su miền Đông Nam Bộ”, hoạt động dưới sự chỉ đạo của Liên hiệp công đoàn Nam Bộ¹⁰.

Nghiep đoàn cao su miền Đông Nam Bộ đề ra chủ trương: củng cố và phát triển tổ chức công đoàn và các tổ chức cách mạng khác; đưa thanh niên ra tiền tuyến; mở mặt trận cao su chiến.

Cũng vào tháng 12-1946, theo chủ trương của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, Ban cán sự Đảng của quận Hớn Quản – tức Quận ủy lâm thời được thành lập gồm 5 đồng chí: Lê Đức Anh (mang mật danh là Hòa), Việt (mang mật danh là Bình)¹¹, Nguyễn Văn Hội (mang mật danh là An)¹², Lê Danh Cát (mang mật danh là Ninh)¹³, Trần Quang Sang (mang mật danh là Khai), do đồng chí Lê Đức Anh làm Bí thư, đồng chí Trần Quang Sang làm phó bí thư.

Trong phiên họp đầu tiên, Quận ủy phân công trách nhiệm như sau: các đồng chí Nguyễn Văn Hội, Lê Danh Cát lo công việc phát triển Đảng trong bộ đội bao gồm đại đội ở Hớn Quản và 2 đại đội đang hoạt động ở Bến Cát, đồng chí Việt lo

(10) Số đoàn viên trong năm 1946 có hơn 1.000 người, sang năm 1947 tăng vọt hơn 4.790 người.

(11) Đồng chí Việt ở Thái Lan về hoạt động tại Công an quận.

(12) Đồng chí Nguyễn Văn Hội là người của Trung ương chỉ viện vào từ ngày đầu kháng chiến. Trong kháng chiến chống Pháp là chính trị viên tiểu đoàn 902 Trung đoàn 301 Thủ Dầu Một

(13) Đồng chí Lê Danh Cát, trong kháng chiến chống Pháp là tiểu đoàn phó tiểu đoàn 903, hy sinh năm 1948

công tác phát triển Đảng trong cơ quan Công an, các đồng chí Lê Đức Anh, Trần Quang Sang lo công việc phát triển Đảng ở xã Tân Khai và công ty cao su. Riêng đồng chí Lê Đức Anh còn lo công tác phát triển Đảng trong cơ quan Ủy ban kháng chiến hành chính Quận.

Việc thành lập Quận ủy lâm thời Hớn Quản đánh dấu bước phát triển vững chắc của lực lượng kháng chiến trên địa bàn Quận - từ đội ngũ cán bộ đảng viên đến lực lượng vũ trang và các đoàn thể quần chúng trong các đồn điền cao su cũng như ở vùng nông thôn và vùng đồng bào dân tộc.

Như vậy, sau hơn một năm tích cực hưởng ứng lời kêu gọi Nam Bộ kháng chiến, nhân dân Bình Long - Hớn Quản đã chuẩn bị được những điều kiện cần thiết để tiếp tục tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh theo Lời kêu gọi thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946): *"Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"*.

II. PHÁT TRIỂN THỂ VÀ LỰC, ĐẨY MẠNH CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN (1947-1954)

Trước sự lớn mạnh của phong trào kháng chiến trên địa bàn Hớn Quản, từ giữa tháng 12-1946 thực dân Pháp bắt đầu mở những cuộc khủng bố ác liệt, tàn sát đồng bào, lùng bắt và giết hại cán bộ đảng viên, phá vỡ hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng... Ngày 20-12-1946 tại địa điểm trước Ủy ban nhân dân thị trấn Chơn Thành hiện nay, chúng đã vây bắt và giết hại hết sức dã man ông Lê Tấn Nghi, bà Năm Phòng, bà Ba Cát.... Cùng lúc, tên quan tư Mosk (chỉ huy lực lượng Pháp chiếm đóng Chơn Thành) phối hợp cùng tên cò Ma-hu ở Hớn Quản tổ chức một cuộc vây ráp từ

Hớn Quản xuống, Chơn Thành lên, tạo thành gọng kìm vây chặt xã Tân Quang. Đám quân của tên cò Ma-hu lập tức bắt dân đưa về làm phu cho bọn tư bản Pháp ở Hớn Quản. Tên Mosk cũng cho vây bắt một nửa số dân xã Tân Quang về Chơn Thành đồng thời bắn chết 4 người mà hắn cho là cơ sở của Việt Minh (ông Lầu, ông Năm Nghiêm, ông Giỏi, ông Gặp). Ngoài ra, tên Mosk còn cho một cánh quân đánh vào khu vực Tàu Ô, đốt sạch nhà cửa của đồng bào, bắn chết ông Hai Dâu, ông Tú, ông Bảy, ông Rừng, ông Gồng gây nhiều tội ác đẫm máu với nhân dân...

Trước tình hình đó, Quận ủy lâm thời Hớn Quản đề ra chủ trương rút thanh niên ra vùng căn cứ, tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang, bổ sung quân số và phân chia phạm vi hoạt động cụ thể cho Quốc gia tự vệ cuộc tiến hành trừ gian diệt tề (toàn Quận 5 chia thành 4 khu vực hoạt động, bao gồm: khu vực 1 - Hớn Quản; khu vực 2 - Xa Trạch; khu vực 3 - Xa Cam; khu vực 4 - Cây Đa, Tân Thành và xã Minh Thạnh). Bên cạnh đó, Quận ủy lâm thời còn yêu cầu các cấp ủy Đảng nắm chắc tổ chức Liên hiệp nông dân, củng cố và phát triển các cơ sở kháng chiến, đồng thời mở mặt trận “cao su chiến” (tức là hình thức ngấm ngấm phá hoại nguồn lợi kinh tế cao su của địch bằng cách làm chết cây, phá hoại việc khai thác mủ và các cơ sở sản xuất, chế biến cao su của Pháp).

Đầu năm 1947, quận Hớn Quản kết nạp được 3 đảng viên là cán bộ chủ chốt: đồng chí Tám Ngân – Trưởng Công an quận, Đoàn Văn Mỹ – Phó Công an quận, Trần Văn Canh – chính trị viên Phân đội 3. Đến giữa năm Hội nghị Đảng bộ Chi đội 1 họp tại Sở Cao su Bác Vật (xã Tân Long) bàn về vấn đề tổ chức lực lượng vũ trang và xây dựng Đảng ở Chi đội 1 và các

đại đội. Những chiến sĩ tham gia hội nghị này được học bồi dưỡng về Đảng. Đến cuối năm 1947 đã kết nạp được hàng chục đảng viên. Riêng các xã ngay từ đầu năm 1947 đã phát triển được đảng viên lẻ, về sau hình thành được chi bộ như chi bộ xã Tân Khai, Tân Thành, Minh Thạnh, Tân Lập Phú. Ở đồn điền Xa Cát, Quán Lợi cũng phát triển được đảng viên là công nhân cao su.

Ngay từ đầu năm 1947, hai tiểu đội của Quốc vệ đội 2 bất ngờ tổ chức đánh vào bót của tên Mosk ở cầu Xa Mát (Nha Bích) có 10 tên lính gác. Ta tấn công bằng hai mũi: mũi của đồng chí Năm Kính ở Chơn Thành xuống, mũi của đồng chí Chín Chánh ở Nha Bích ra, cùng tập vào chiếm gọn bót. Trong trận này, bên ta không thiệt hại gì, lại tốn ít đạn và kết quả khá lớn: bọn địch bị thất bại nặng nề, ta đốt bót, bắt 10 tên, thu 10 cây súng.

Thực hiện chủ trương đó, bước sang năm 1947, các hoạt động tuyên truyền kháng chiến được đẩy mạnh trong vùng cao su và vùng đồng bào dân tộc, việc phổ biến tin tức được thể hiện thường xuyên theo từng nhóm gia đình. Các nhóm vũ trang tuyên truyền đi sâu hoạt động trong vùng đồng bào dân tộc, được đồng bào ủng hộ lương thực, thực phẩm..., bảo đảm đủ ăn no và còn có chút ít lương thực dự trữ.

Thực hiện “vườn không nhà trống” theo chủ trương của Đảng, quần chúng cách mạng ở các xã rút vào rừng lập nên những căn cứ như Tân Thành, Tân Khai. Ủy ban kháng chiến hành chính quận cho thành lập “công an xung phong” để hỗ trợ cho nhân dân đấu tranh diệt tề diệt ác ở các xã và khu vực thị trấn Chơn Thành, kết hợp với lực lượng vũ trang chi đội 1 của tỉnh Thủ Dầu Một, tổ chức phá hoại kinh tế địch như chặt

phá cây cao su ở các đồn điền, phá cầu, phá đường, chặn đường 13 đánh các đoàn xe chở vũ khí lương thực cung cấp cho các đồn bót ở phía Bắc.

Tháng 4-1947, lực lượng vũ trang Hớn Quản khoảng 150 người tổ chức đánh địch ngay trung tâm Quận, vừa diệt ác, phá cầu đường, vừa đột nhập vào đồn điền Quản Lợi phá kho lấy vũ khí, lương thực, đánh phá nặng khu chăn nuôi (nhà bò, nhà heo) của đồn điền, vừa vận động nhân dân đấu tranh.

Cùng với việc đánh vào thị trấn Hớn Quản, lực lượng này còn đánh vào đồn điền Xa Cam và đồn điền Xa Trạch, lấy được một số lương thực, thực phẩm, đốt cháy nhà kho, nhà mủ, nhà giấy...

Các trận đánh nói trên đã gây tác động mạnh đối với quần chúng cơ sở trong quận, gây được niềm tin vào sự trưởng thành của lực lượng vũ trang chiến đấu, do đó phong trào kháng chiến càng phát triển mạnh, các cơ sở ở vùng địch tạm chiếm được khôi phục và củng cố, hoạt động ngày càng có hiệu quả.

Về phía địch, do bị tấn công bất ngờ, chúng lâm vào tình trạng bị động, hoảng hốt, không kịp có phản ứng. Mãi đến cuối tháng 5-1947, chúng mới huy động lực lượng bung ra càn quét các xã Tân Thành, Minh Thạnh, Tân Khai và cả khu vực Tân Quang, đốt phá các chốt (gọi là nhà tạm) ở các xóm ấp hoặc số nhà cửa của dân còn sót lại qua trận càn cuối năm 1946.

Tháng 7-1947, du kích Tân Khai gồm 2 tiểu đội được trang bị 1 súng hai nòng, 2 khẩu súng trường và một số mìn, tạc đạn, đã kết hợp với lực lượng bộ đội, tổ chức đánh 1 đoàn xe của Pháp gồm 10 chiếc tại ấp 4 xã Tân Khai. Bọn địch bị phục kích bất ngờ, 3 xe bị nổ tung, ta tiêu diệt hơn 30 tên. Trong

trận này, đồng chí Đào Văn Huấn đã hy sinh anh dũng. Phát huy thắng lợi, lực lượng dân quân Tân Khai tiếp tục phối hợp với lực lượng của Quốc vệ đội phá cầu, phá đường, đánh một đoàn xe của địch trên 60 chiếc tại cầu Bà Và, bắt 3 tên lính Pháp. Sau chiến công này, Quốc vệ đội 2 được lệnh rút về Đường Long (đường đi Bến Súc), kết hợp với đại đội Hoàng Thọ tổ chức đánh khu vực Bến Súc - Long Nguyên và giải phóng khu vực này. Ngoài ra du kích Tân Khai còn tham gia đánh địch ở xóm Quạt - Lai Uyên, tiêu diệt ban chỉ huy và bắt 1 tên là Diểu Ly, thu 3 súng.

Cuối năm 1947, tại các căn cứ kháng chiến, ta phát động nhân dân làm hàng rào chiến đấu để bảo vệ chiến khu. Ngoài lớp rào kiên cố, đồng bào còn cắm nhiều lớp chông dày đặc.



*Đồng bào dân tộc S'tiêng cắm chông xây dựng
làng chiến đấu chống địch*

Hàng ngày có du kích tuần tra bảo vệ an toàn các căn cứ kháng chiến. Trong vùng căn cứ, phong trào phụ nữ tham gia kháng chiến phát triển mạnh. Các mẹ, các chị (như bà Lê Thị Phương ở xã Lợi Hưng) thường xuyên vận động bà con quyên góp tiền bạc ủng hộ cách mạng và tuyên truyền vận động cai, xếp tham gia công tác kháng chiến (như ông cai Nương ở Nhà bọ và ông cai Thục ở Nhà máy chế biến cao su Quán Lợi). Nhờ vậy mà cơ sở cách mạng bên ngoài luôn nắm bắt được tình hình địch trong các đồn điền cao su. Để đẩy mạnh thêm phong trào kháng chiến của phụ nữ trong quận, tháng 10-1947, Tỉnh điều hai chị Lưu Mai Lan và Bình Minh về Hớn Quản công tác.

Hoạt động gây dựng cơ sở trong vùng đồng bào dân tộc cũng đạt được nhiều tiến bộ trong năm 1947. Hai nhóm công tác phía đông và phía tây lộ 13 đều thu được kết quả tốt. Nhóm công tác phía đông lộ 13 đã tiếp xúc được với bà con người Khmer phía Nha Bích, vùng đồng bào dân tộc phía đông và đông nam Xa Trạch, đông và đông nam Quán Lợi. Đồng bào và cơ sở đã giúp đỡ ta mở lên phía bắc và mở đường liên hệ sang phía đông Sông Bé, vùng Tà Bái, Tà Ban để hướng lên phía Bù Nho và vùng Bù Đinh, Bù Tam ở đông và đông nam Lộc Ninh.

Nhóm công tác phía tây lộ 13 tuy có khó khăn hơn, nhưng cũng đã liên hệ được với đồng bào các sóc Chà Là, thông qua các vùng đồng bào Tà Mun, đã vào tuyên truyền được các sóc Phú Lố, Bình Phú ven đồn điền Xa Cam, thông qua đồn điền Xa Cát để thâm nhập các sóc áp sát bìa phía tây và tây bắc thị trấn Hớn Quản.

Khoảng cuối năm 1947, căn cứ địa Truong Ba Trường chuyển ra vùng Chà Là, Đồng Lố, chi đội 1 được chấn chỉnh tổ chức thành trung đoàn 301 của tỉnh. Trung đoàn này biên chế

thành 3 tiểu đoàn và một số đại đội trực thuộc: tiểu đoàn 901 hoạt động vùng Lái Thiêu và Thủ Dầu Một, tiểu đoàn 902 hoạt động ở quận Châu Thành, tiểu đoàn 903 với 3 đại đội 2707; 2708 và 2709. Hai đại đội 2707 và 2708 hoạt động ở chiến trường Bến Cát, còn đại đội 2709 phụ trách quận Hớn Quản. Thực ra, các đại đội đều thiếu và đều có nhu cầu bổ sung quân số, riêng đại đội 2709 thiếu nhiều, địa bàn hoạt động lại khó khăn, hoạt động lại quá phân tán do công tác trong các đồn điền và vùng dân tộc, nên trước mắt được bổ sung một tiểu đội có vũ trang đầy đủ.

Cũng trong năm 1947, bộ máy lãnh đạo kháng chiến của quận Hớn Quản có một số thay đổi. Đồng chí Út Tốt được cấp trên điều về tỉnh công tác, đồng chí Lâm được chỉ định làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính Quận, trụ sở vẫn đóng tại Tân Khai. Về phía Quận ủy, các đồng chí Việt (Bình), Nguyễn Văn Hội (An), Lê Danh Cát (Ninh) chuyển hẳn sang công tác ở bộ đội và công an. Kế đó, đồng chí Lê Đức Anh - Bí thư Quận ủy - cũng được tỉnh ủy điều động làm chính trị viên Chi đội 1 - lực lượng vũ trang đầu tiên trong kháng chiến chống Pháp của toàn tỉnh Thủ Dầu Một. Lúc này Ban cán sự Đảng (Quận ủy lâm thời) Hớn Quản được bổ sung thêm 3 đồng chí Chín Thịnh, Tám Ngân, Mười Canh; đồng chí Trần Quang Sang (Ba Phước)- nguyên Phó Bí thư được cử là Bí thư Quận ủy.

Sau khi bố trí lại lực lượng, ta tổ chức 2 cuộc đột kích bí mật, một cuộc đột kích vào nhà tên chủ Tây Von Chéo lấy được 2 súng các-bin và 1 radio hiệu Phi-líp, một cuộc đột kích vào một làng sát đường 13, bắt 2 tên xếp Tây, tước 2 súng ngắn. Ngoài ra, ta còn cho một tổ công tác vũ trang đột nhập vào các đồn điền Xa Cát và Xa Trạch, vận động anh em thanh niên thoát ly đi kháng chiến. Kết quả là vào khoảng đầu tháng

1-1948, ta huy động được gần 50 mươi người của đồn điền Xa Cát và trên 10 người của đồn điền Xa Trạch đưa về bổ sung cho tiểu đoàn 903, sau đó có một số được đưa về bổ sung cho đại đội 2709 ở Hớn Quản.

Từ đầu năm 1948, sau khi tăng cường thêm lực lượng, quân Pháp liên tục tổ chức nhiều cuộc càn quét vào các khu căn cứ, nhất là trên địa bàn ba xã Tân Khai, Tân Thành, Minh Thạnh và khu vực đông-dông nam Xa Trạch, trọng điểm là khu vực suối Muồn. Ở ven bìa sở Xa Cát, sau khi phát hiện đây là nơi đóng quân của bộ phận tiền phương tiểu đoàn 903, chúng càn quét quyết liệt, cho xe ủi khu rừng này ra từng khu vực nhỏ, quyết đánh trốc lực lượng bám trụ của ta.

Ở khu vực đường lộ 13, tây lộ Nha Bích, địch tổ chức lực lượng Com-măng-đô chuyên đi lùng sục các địa bàn. Nhân dân sinh sống nơi đây buộc phải chạy vào làm đồn điền, tá túc với bà con công nhân. Bên cạnh đó vẫn có một số bà con kiên quyết bám rừng làm ăn sinh sống, làm nhà ở tạm, nhưng địch lùng sục, đốt phá liên tục, có tháng bà con phải rời đi hai ba chỗ, thậm chí có chỗ nhà làm chưa xong địch đã đến đốt phá, khiến cho không còn tranh để lợp, phải lợp bằng lá mây, lá trung quân kết lại. Ý đồ của địch đánh phá liên tục vùng căn cứ này là để ép đồng bào chạy vào đồn điền cho chúng tiện bề kiểm soát. Đối với đồng bào dân tộc thì chúng dồn bà con vào các sóc, nằm sâu trong đồn điền ven thị trấn Hớn Quản.

Đi đôi với việc tổ chức càn quét, địch còn ồ ạt triển khai làm con đường mới từ đồn điền Minh Thạnh qua đồn điền Xa Cát, thông ra lộ 13 để cắt ngang căn cứ phía tây lộ 13 và sông Sài Gòn, đồng thời chuẩn bị ủi một con đường từ Sóc Tranh thông qua sóc Chà Ngõa, nối liền với đường Chợ Thành - Nha Bích tại khu vực Nha Bích, nhằm khống chế khu vực phía đông lộ 13.

Ngoài ra, địch còn tiến hành đánh phá kinh tế vùng căn cứ bằng cách cưỡng bức cả đồng bào người dân tộc phải mang chà gạc đi phạt bỏ lúa rẫy, lúa ruộng đang thì con gái hoặc lúa đã lên đồng ở vùng căn cứ, làm cho kinh tế kháng chiến bị kiệt quệ, đồng thời gây mâu thuẫn giữa đồng bào Kinh và đồng bào dân tộc. Không những thế, chúng còn cho lính canh gác chặt chẽ bà con công nhân đi làm lô, nhằm ngăn chặn họ tiếp tế lương thực, thực phẩm cho kháng chiến.

Đứng trước tình hình ba xã Tân Thành, Minh Thạnh, Tân Khai bị lực lượng Com-măng-đô đánh phá liên tục, khu vực lại bị cắt nhỏ bằng con đường mới Minh Thạnh - Xa Cát, theo quyết định của Tỉnh, Ủy ban kháng chiến hành chính và Công an quận Hớn Quản đã từ Tân Khai dời về hai xã An Long, An Linh¹, còn Ủy ban kháng chiến hành chính Chơn Thành thì sát nhập với Ủy ban kháng chiến hành chính Minh Thạnh và rút về Lai Uyên, một số rút về Tây Ninh.

Cũng do tình hình khó khăn bởi địch đánh phá liên tục và ác liệt, đầu năm 1948, tỉnh ủy Thủ Dầu Một quyết định thành lập Phòng Quốc dân thiểu số (của tỉnh) do đồng chí Trần Quang Sang (Ba Phước) - Bí thư Quận ủy Hớn Quản, tiểu đoàn phó tiểu đoàn 903 làm Trưởng phòng, đóng trên địa bàn Hớn Quản. Đội công tác của Phòng Quốc dân thiểu số có nhiệm vụ đi sâu vào các vùng dân tộc, thành lập các mũi xung kích, tuyên truyền vận động nhân dân xây dựng và phát triển cơ sở kháng chiến.

(1) Thực ra, ở hai xã này, một số xóm ấp sát lộ 13 cũng bị đánh phá, đồng bào cũng đã phải ly tán vào rừng lập xóm để ở như xóm Tàu Ô, xóm Bưng Sậy, xóm Ruộng, Bùn Công... Một số xóm của xã An Long giáp Sông Bé như xóm Quạt, Bãi Bằng, địch đã càn quét, đốt phá xơ xác hồi cuối năm 1947.

Sự tăng cường càn quét đánh phá của địch đã gây cho ta nhiều tổn thất năm 1948. Địa bàn ba xã phía tây lộ 13 bị địch chà đi xát lại không biết bao nhiêu lần, nhân dân phải chịu nhiều thiệt hại về người và tài sản. Lực lượng vũ trang cũng chịu nhiều tổn thất hy sinh trong các trận chống càn trên đường 13 và đường mới Minh Thạnh - Xa Cát.... Các đội vũ trang tuyên truyền hoạt động ở vùng đồn điền và vùng dân tộc cũng bị thương vong đáng kể, nhất là những đêm đột nhập vào ấp, bị phục kích trên đường đi, hoặc bị đột kích ở những chỗ trú tạm.

Không chỉ khó khăn do địch đánh phá, lực lượng kháng chiến trên địa bàn Hớn Quản - Bình Long còn gặp nhiều khó khăn cả về kinh tế và đời sống trong năm 1948. Nguồn tiếp tế lương thực cho bộ đội và cơ quan từ trước đến nay chủ yếu dựa vào sự tiếp tế của các đồn điền và thị trấn Hớn Quản, vừa do cơ sở đóng góp, ủng hộ, vừa nhờ cơ sở hợp pháp thu mua góp nhặt khi ít khi nhiều và do quần chúng cơ sở tìm cách đưa ra bìa rừng, bìa lộ. Nhưng từ khi địch bố trí lính theo dân đi làm lô, khám xét nghiêm ngặt thì việc cung cấp hàng hóa vật phẩm trở nên hết sức căng thẳng, phức tạp, nguồn tiếp nhận được ngày càng ít ỏi, hạn chế.

Tuy gặp nhiều khó khăn to lớn, nhưng nhìn chung công tác ở vùng đồn điền và vùng dân tộc vẫn có bước phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Quần chúng cơ sở và đồng bào qua thử thách gian nan càng hiểu rõ bản chất và âm mưu thủ đoạn của địch, càng dạn dày thêm kinh nghiệm đấu tranh. Các cơ sở bên trong các đồn điền, vùng dân tộc và thị trấn vẫn tìm mọi cách đưa tin tức chính xác ra vùng căn cứ hoặc phối hợp cùng lực lượng vũ trang đánh địch, diệt ác trừ gian có hiệu quả, gây

được thổi động lớn như vụ diệt tên ác ôn Huỳnh Kim Trọng ở đồn điền Xa Cam (tên Trọng là Chánh văn phòng của đồn điền và là một tên ác ôn khét tiếng) hoặc vụ giết hụt tên Chết Tạch ở sở đồn điền Xa Cam v.v...

Tại đồn điền Quản Lợi, nhờ tin tức do cơ sở bên trong đưa ra chính xác, ta đã tổ chức đánh ba trận liên có hiệu quả cao: một lần dùng mìn phá hỏng ba máy đèn, một lần dùng mìn đốt cháy nhà xông mủ và một lần khác cùng lúc phá nổ 5 bồn nhiên liệu của sở gây cháy một khu vực lớn bao gồm nhà máy, xưởng thợ, khu Tây, ga-ra ô tô, nhà giấy... Địch phải dùng máy bay để chữa cháy nhưng không kết quả (vì đám cháy đã kéo dài nhiều giờ máy bay mới đến). Đồn điền phải ngưng sản xuất gần 3 tháng để sửa chữa. Mủ của đồn điền trong thời gian này phải chuyển sang Xa Trạch và Xa Cam để chế biến.

Cuối năm 1948, nhờ cơ sở vùng dân tộc Trà Thanh - Sóc Xiêm và cơ sở trong đồn điền cung cấp tin tức, ta đã bố trí phục kích trên đường Quản lợi là Gác-na, giết chết 3 tên lính đi hộ tống.

Cũng trong năm 1948, dân quân du kích An Long, An Linh kết hợp với đại đội 2709 đánh đoàn công-voa giặc trên đường 13 và tuyến đường Bàu Bàng, tiêu diệt nhiều toa xe chở quân trang quân dụng. Trên cơ sở những thắng lợi đạt được trong năm 1948, phong trào kháng chiến đánh địch tiếp tục phát triển trong 2 năm 1949-1950.

Tháng 3-1949, được các cơ sở trong sở Lục lộ và đồng chí Giảng - nhân viên Công an Hớn Quản cung cấp tin tức về địch, đại đội 2709 cùng Công an xung phong quận Hớn Quản, dưới sự chỉ huy trực tiếp của các đồng chí cán bộ tiểu đoàn 903, đã diệt đồn Bù Đốp, giải phóng Bù Đốp, phá nhà tù, giải thoát 60